

nước Ba-liên-phát, thống lĩnh Diêm-phù-đề, gọi là A-dục, sẽ phân bố rộng rãi xá-lợi của Ta; trong một ngày sẽ dựng tám muôn bốn ngàn tháp.’ Nay chính là nhà vua, lúc đó tôi cũng có mặt ở đó.”

Rồi Tôn giả nói bài kệ:

*“Lúc vua còn thơ ấu,
Đem cát dâng cúng Phật;
Lúc Phật thọ ký vua,
Chính tôi cũng ở đấy.”*

Vua thưa Tôn giả:

“Hiện nay Tôn giả ở đâu?”

Tôn giả đáp:

“Tôi ở tại Bắc sơn, núi tên là Kiền-đà-ma-la⁴⁹, cùng với các vị Tăng đồng phạm hạnh.”

Vua lại hỏi:

“Có bao nhiêu người?”

Tôn giả đáp:

“Có sáu muôn Tỳ-kheo A-la-hán.”

Tôn giả bảo vua:

“Vua cần gì hỏi nhiều. Nay vua nên sửa soạn cúng dường chư Tăng. Các vị ấy thọ thực xong, sẽ khiến cho vua hoan hỷ.”

Vua thưa:

“Vâng, đúng vậy thưa Tôn giả! Nhưng bây giờ, trước tiên là tôi cúng dường cây Bồ-đề, vì nghĩ đến nơi Phật giác ngộ. Sau đó cúng dường hương hoa, đồ ăn thức uống ngon cho chúng Tăng.”

Vua ban lệnh cho các quần thần tuyên bố khắp nước: ‘Ngày nay vua muốn xả mười muôn lượng vàng bố thí cho chúng Tăng, cả ngàn vò nước thơm rưới lên cây Bồ-đề.’ Vua tập hợp năm bộ chúng.

Bấy giờ có vương tử Câu-na-la⁵⁰ ở bên cạnh vua, đưa hai ngón tay mà không nói, ý muốn cúng dường gấp đôi. Đại chúng trông thấy vương tử như vậy đều phì cười. Vua cũng cười và bảo:

“Ô hay! Vương tử, chính con có thêm công đức cúng dường.”

Vua lại nói:

⁴⁹. Kiền-đà-ma-la 捷陀摩羅. Skt. Gandhamādana.

⁵⁰. Câu-na-la 拘那羅. Skt. Kuṇāla.

“Ta lại đem ba mươi muôn lượng vàng cúng dường chúng Tăng. Thêm một ngàn vò nước thơm tưới tắm cây Bồ-đề.”

Vương tử lại đưa lên bốn ngón tay, ý nói gấp bốn.

Lúc ấy vua nổi giận bảo các quan:

“Ai dạy vương tử làm như vậy? Cùng tranh với ta sao?”

Một vị quan thưa:

“Tâu Đại vương, không ai dám tranh với Đại vương. Nhưng vương tử thông tuệ, lợi căn vì muốn tăng thêm công đức nên làm như vậy.”

Nhà vua quay lại nhìn vương tử, rồi bạch Thượng tọa:

“Trừ các vật thuộc kho tàng của con, tất cả những vật ở Diêm-phù-đề, phu nhân, thể nữ, quần thần, quyến thuộc và con của con là Câu-na-la đều bố thí cho chúng Tăng Hiền thánh.”

Vua tuyên bố cho cả nước tập hợp năm chúng và nói kệ:

*“Trừ vật kho tàng vua;
Phu nhân và thể nữ,
Thần dân tất cả chúng,
Bố thí Hiền thánh Tăng.
Thân ta cùng vương tử,
Cũng đều xả bỏ hết.”*

Bấy giờ, vua, Thượng tọa và Tỳ-kheo Tăng lấy vò nước thơm tưới cây Bồ-đề. Cây Bồ-đề càng thêm tươi tốt, sum sê. Có bài kệ:

*“Vua tưới cây Bồ-đề,
Nơi Vô thượng Giác ngộ;
Cây càng thêm tươi tốt,
Cây lá đều mơn mớn.”*

Vua cùng quần thần vui mừng vô hạn. Vua tưới tắm cây Bồ-đề xong, kế đến vua lại cúng dường chúng Tăng. Bấy giờ, Thượng tọa Da-xá tâu vua:

“Đại vương, hôm nay có đông đảo Tỳ-kheo Tăng tụ tập, nên phát lòng tin thuần thực cúng dường.”

Nhà vua tự tay cúng dường từ trên xuống dưới. Khi ấy, có hai Sa-di ăn xong, mỗi người lấy lương khô vo thành viên kẹo ném nhau. Nhà vua trông thấy phì cười nói:

“Các Sa-di này chơi trò con nít.”

Cúng dường xong, vua trở lại đứng trước Thượng tọa. Thượng tọa nói với vua:

“Vua chớ sanh tâm bất tín kính.”

Vua thưa:

“Thượng tọa, con không có tâm không kính tin, nhưng thấy Sa-di chơi trò trẻ con. Như trẻ con thế gian lấy hòn đất ném nhau, còn hai Sa-di thì lấy bánh và kẹo ném nhau.”

Thượng tọa tâu vua:

“Hai chú Sa-di này đều là A-la-hán giải thoát, nên cúng dường thức ăn cho các vị ấy.”

Vua nghe rồi tăng thêm lòng tin và thâm nghĩ: ‘Hai Sa-di này có thể được bố thí bằng cách gián tiếp⁵¹. Hôm nay ta sẽ bố thí lụa và y kiếp-bối cho tất cả chúng Tăng.’

Bấy giờ, hai Sa-di biết tâm niệm của vua, nói với nhau: ‘Chúng ta làm cho vua thêm kính tín.’ Một Sa-di mang cái nôi trao cho vua, một Sa-di trao cho vua cỗ nhuộm màu.

Vua hỏi Sa-di kia:

“Những thứ này để làm gì?”

Hai Sa-di tâu vua:

“Nhà vua vì chúng tôi mà bố thí chúng Tăng lụa và y kiếp-bối. Chúng tôi muốn nhà vua nhuộm thành màu sắc để bố thí cho chúng Tăng.”

Vua nghĩ rằng: ‘Ta tuy đã nghĩ trong tâm, mà chưa nói ra, nhưng hai vị đạt sĩ này đặc tha tâm trí nên biết được tâm ta.’

Vua liền cúi đầu kính lễ chúng Tăng và nói kệ:

*“Tộc tánh là Khổng Tước,
Các quyền thuộc nội ngoại;
Do sự bố thí này,
Đều được lợi ích lớn.
Gặp được ruộng phước tốt,
Vui mừng đúng thời thí.”*

⁵¹. Triển chuyển tương thí 展轉相施, không cúng trực tiếp cho Sa-di. Nhưng cúng dường cho Tăng. Sau đó Tăng theo thứ tự chia lại cho các Sa-di.

Vua bảo Sa-di:

“Nay tôi nhân quý Tôn giả bố thí y cho chúng Tăng.”

Cúng y cho chúng Tăng rồi, vua lại đem ba y cùng với bốn ức muôn lượng trân bảo bố thí cho năm bộ chúng, chú nguyện xong, lại đem bốn mươi ức muôn lượng trân bảo, chuộc lấy cung nhân, thể nữ, thái tử, quần thần của cõi Diêm-phù-đề.

Vua A-dục đã tạo ra vô lượng công đức như vậy.”⁵²



⁵². Truyện kể về cuối đời A-dục vương, xem tiếp Đại Chánh kinh 641, quyển 25.

TẬP A HÀM QUYỂN 24

KINH 605. NIỆM XỨ (1)¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 606. NIỆM XỨ (2)²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

“Như vậy, Tỳ-kheo đối với bốn Niệm xứ này, tu tập đầy đủ, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, cần phải học.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹. Đại Chánh, quyển 24, Tiểu đề: “Đệ ngũ tụng Đạo phẩm đệ nhất”, gồm các kinh số 605-639. –Quốc Dịch, quyển 22, tụng 5. Đạo phẩm, 1. Tương ứng Niệm xứ gồm Kinh số từ 1247-1299. –Phật Quang, quyển 24; y theo Ấn Thuận, Tụng 4. Đạo phẩm. –Ấn Thuận Hội Biên, Tụng 4. Đạo phẩm, 7. Tương ứng Niệm xứ, gồm năm mươi bốn kinh, từ số 760-813. Phần lớn tương đương Pāli: S.47. Sātipatthāna samyutta. Đại Chánh kinh 605, Pāli, S.47.24 Suddhaka.

². Xem kinh 605 trên.

KINH 607. TỊNH³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc⁴, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có đạo nhất thừa⁵ làm thanh tịnh chúng sanh, khiến vượt khỏi ưu bi, dứt khổ não và đạt được pháp như thật⁶, đó là pháp bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 608. CAM LỘ⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào là bốn Niệm xứ, là là Thánh pháp như thật. Người nào là Thánh pháp như thật, là sẽ là Thánh đạo. Ai là Thánh đạo, là là pháp cam lộ⁸. Người nào là pháp cam lộ, là không thoát khỏi: sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này không thoát được khổ. Nếu Tỳ-kheo nào không là bốn Niệm xứ, là không là Thánh pháp như thật; không là Thánh pháp như thật, là không là Thánh đạo; không là Thánh đạo, là không là pháp cam lộ; không là pháp cam lộ, là thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não. Ta nói người này thoát khỏi các khổ.”

³. Pāli, S.47.18 Bramā.

⁴. Bản Pāli, tại Uruvelā, bên bờ sông Nerañjarā, lúc vừa thành đạo.

⁵. Nhất thừa đạo — 乘道. Pāli: ekāyano maggo.

⁶. Đắc như thật pháp 得如實法. Pāli: ñayassa adhiḡamāya nibbānaṃ sacchikiriya, đạt chánh lý, thân chứng Niết-bàn.

⁷. Pāli, S.47.41 Amata.

⁸. Cam lộ pháp 甘露法. Pāli: amata, sự bất tử.

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 609. TẬP⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ¹⁰. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ.”

“Thế nào là tập khởi của bốn Niệm xứ? Tiêu thất của bốn Niệm xứ?

“Thức ăn tập khởi thì thân tập khởi. Thức ăn diệt thì thân tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán theo tập khởi của thân, sống tùy quán theo sự diệt tận thân. Sống tùy quán theo tập-diệt của thân là sống với sự không sở y, đối với các thế gian vĩnh viễn không chấp thủ. Cũng vậy, xúc tập khởi thì thọ tập khởi. Xúc diệt thì thọ tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo tập pháp; sống tùy quán thọ theo diệt pháp. Sống tùy quán thọ theo tập diệt pháp là sống với sự không sở y, đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ.

“Danh sắc tập khởi thì tâm tập khởi. Danh sắc diệt thì tâm tiêu thất. Hãy sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán tâm tùy theo pháp tập-diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ.

“Ức niệm tập thì pháp tập¹¹, ức niệm diệt thì pháp tiêu thất. Hãy sống tùy quán pháp tùy theo tập pháp; sống tùy quán pháp tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán pháp tùy theo pháp tập-diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ.

⁹. Pāli, 47.42 Samudaya.

¹⁰. Tứ niệm xứ tập tứ niệm xứ một 四念處集四念處沒. Pāli: satipaṭṭhānaṃ samudayañca atthaṅgamañca.

¹¹. Pāli: manasikārasamudayā dhammasamudayo, do tập khởi của tác ý mà có sự tập khởi của pháp.

“Đó gọi là sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 610. CHÁNH NIỆM¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ dạy về sự tu tập bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ!

“Thế nào là tu bốn Niệm xứ? Sống chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh tri, điều phục lo buồn của thế gian; sống quán ngoại thân, nội ngoại thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian. Cũng vậy sống chánh niệm quán thọ, tâm, pháp, nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, điều phục sự lo buồn của thế gian, thì đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Thời quá khứ, vị lai, tu bốn Niệm xứ cũng được thuyết như vậy.

**
*

KINH 611. THIỆN TỰ¹³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹². Pāli, S.47.2. Sato. Tham chiếu, Hán: N^o100(14).

¹³. Pāli, S.47.5 Kusalarāsi.

“Có tụ thiện pháp và có tụ bất thiện pháp¹⁴.”

“Thế nào là tụ thiện pháp? Chỉ cho bốn Niệm xứ. Đó gọi là chánh thuyết. Vì sao? Vì đây là tụ hoàn toàn thuần nhất thanh tịnh. Những gì là bốn? Niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp.

“Thế nào là tụ bất thiện pháp? Chỉ cho năm cái¹⁵, đây là thuyết chính. Vì sao? Vì đây là tụ hoàn toàn thuần nhất bất thiện. Những gì là năm? Tham dục cái, sân nhuế cái, thù miên cái, trạo hối cái và nghi cái.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 612. CUNG¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như người cầm bốn thứ cung cứng¹⁷, dùng hết sức mạnh bắn vào bóng cây đa-la, qua nhanh không trở ngại. Cũng vậy, bốn hạng Thanh văn¹⁸ của Như Lai, với tăng thượng phương tiện, lợi căn, trí tuệ, sống đến một trăm năm tuổi thọ; đối với pháp được giảng thuyết, được truyền trao bởi Như Lai, chỉ trừ lúc ăn uống, ngủ nghỉ, bổ tả¹⁹, trong khoảng trung gian, thường nói, thường nghe, với trí tuệ sáng suốt lanh lợi, đối với những gì Như Lai đã dạy, triệt để lãnh thọ, giữ gìn, không chướng ngại; ở chỗ Như Lai không có gì để hỏi thêm. Như Lai nói pháp không có chung cực. Nghe pháp suốt cả đời, cho đến khi

¹⁴. Thiện pháp tụ, bất thiện pháp tụ 善法聚, 不善法聚. Pāli: kusalarāsi, akusalarāsi.

¹⁵. Ngũ cái 五蓋. Pāli: pañca nivarana.

¹⁶. Pāli, S. 20.6 Dhanuggaho.

¹⁷. Tứ chủng cường cung 四種強弓. Pāli: cattāro daḥhadhammā dhanuggahā, bốn nhà thiện xạ cầm (bốn) cây cung cứng.

¹⁸. Tứ chủng Thanh văn 四種聲聞, chỉ bốn chúng đệ tử Phật.

¹⁹. Bổ tả 補寫. Có lẽ chỉ đại tiểu tiện.

trăm tuổi mạng chung, mà pháp được Như Lai nói vẫn không cùng tận. Nên biết, vô lượng vô biên; danh thân, cú thân, vị thân, mà Như Lai đã thuyết cũng lại vô lượng, không có chung cực; đó chính là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Thân niệm xứ; thọ, tâm, pháp niệm xứ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Tất cả kinh bốn Niệm xứ đều lấy câu tổng quát này. Tức là: “Cho nên, Tỳ-kheo đối với bốn Niệm xứ tu tập, phát khởi tăng thượng dục, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh tri, cần nên học.

**
*

KINH 613. BÁT THIỆN TỰ²⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tự bất thiện và tự thiện.

“Tự bất thiện là gì? Ba căn bất thiện. Đó gọi là chánh thuyết. Vì sao? Vì tích tụ các pháp thuần bất thiện là ba căn bất thiện. Những gì là ba? Đó là: tham bất thiện căn, nhuế bất thiện căn, si bất thiện căn.

“Tự thiện là gì? Bốn Niệm xứ. Vì sao? Vì đầy đủ thuần thiện, là bốn Niệm xứ. Đó gọi là thiện thuyết. Những gì là bốn? Thân niệm xứ; thọ, tâm, pháp niệm xứ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Cũng như ba bất thiện căn, cũng vậy ba ác hạnh là thân ác hạnh, miệng ác hạnh, ý ác hạnh.²¹

Ba tướng là dục tướng, nhuế tướng, hại tướng.

Ba giác là dục giác, nhuế giác, hại giác.²²

²⁰. Pāli, S.47.47 Duccaritaṃ.

²¹. Pāli, S.47.47 Duccaritaṃ.

²². Pāli, S.42.49 Vedanā.

*Ba giới là Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới.²³
Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy,
hoan hỷ phụng hành.*

**
*

KINH 614. ĐẠI TRƯỞNG PHU²⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo nọ đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui quạ một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, như được nói, Đại trưởng phu. Thế nào là Đại trưởng phu, không phải là Đại trưởng phu?”

Phật bảo Tỳ-kheo:

“Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo hỏi Như Lai về nghĩa Đại trưởng phu. Hãy lắng nghe, suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì người mà nói. Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên thân; sau khi an trụ chánh niệm quán thân trên thân này rồi, tâm không ly dục, không được giải thoát, dứt sạch các lậu, Ta nói người này không phải là Đại trưởng phu. Vì sao? Vì tâm không giải thoát. Nếu Tỳ-kheo an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, mà tâm không ly dục, không được giải thoát, dứt sạch hết các lậu, Ta không nói người kia là Đại trưởng phu. Vì sao? Vì tâm không được giải thoát. Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên thân; tâm đạt đến ly dục, tâm đạt đến giải thoát được, dứt sạch các lậu, Ta nói người này là Đại trưởng phu. Vì sao? Vì tâm giải thoát. Nếu an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp và khi an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp rồi, mà tâm đạt đến ly dục, tâm đạt đến giải thoát được, dứt sạch các lậu, Ta nói người này là Đại trưởng phu. Vì sao? Vì tâm giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo Đại trưởng phu và không phải Đại trưởng phu.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

²³. Tóm tắt có bốn kinh.

²⁴. Pāli, S.47.11 Mahāpurisa.

KINH 615. TỖ-KHEO-NI²⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan sáng sớm đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khát thực. Dọc đường suy nghĩ: ‘Nay ta đến chùa Tỳ-kheo-ni trước.’ Liền đi đến chùa Tỳ-kheo-ni. Từ xa các Tỳ-kheo-ni thấy Tôn giả A-nan đến, vội vàng trải sàng tọa mời ngồi. Các Tỳ-kheo-ni đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan:

“Các Tỳ-kheo-ni chúng con đang sống buộc tâm²⁶ tu bốn Niệm xứ, tự biết có sự trước sau lên xuống²⁷.”

Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni:

“Lành thay! Lành thay! Các cô! Hãy như những gì các cô đã nói mà học. Phàm tu tập bốn Niệm xứ, an trụ với tâm được buộc chặt, tự biết có sự trước sau lên xuống như vậy.”

Rồi, Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp với nhiều hình thức. Sau khi thuyết pháp với nhiều hình thức xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan sau khi vào thành Xá-vệ khát thực trở về, cất y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân sát Phật, rồi ngồi lui qua một bên, đem những gì các Tỳ-kheo-ni đã nói, trình bày lại đầy đủ cho Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Lành thay! Lành thay! Nên học như vậy, an trụ nơi bốn Niệm xứ với tâm được buộc chặt, biết có sự trước sau lên xuống. Vì sao? Tâm tìm cầu bên ngoài, sau đó mới chế phục khiến tìm cầu tâm ấy; tâm tán loạn, không giải thoát, thấy đều như thật biết. Nếu Tỳ-kheo an trụ niệm xứ quán thân trên thân; vị ấy sau khi an trụ niệm xứ quán thân trên thân, nếu thân ham ngủ, tâm pháp biếng nhác, thì Tỳ-kheo này

²⁵. Pāli, S.47.10 Bhikkhuni.

²⁶. Pāli: suppatitthitacittā viharantiyo, an trụ với tâm hoàn toàn ổn định.

²⁷. Pāli: uḷāraṃ pubbenāparaṃ visesaṃ sañjānanti, nhận thức sự sai biệt lên xuống, trước sau.

nên khởi tịnh tín, nắm lấy tướng tịnh²⁸. Sau khi khởi tín tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ tướng tịnh rồi, tâm vị ấy sẽ khoan khoái; do tâm khoan khoái mà sanh hỷ. Do tâm hỷ nên thân khinh an. Sau khi thân khinh an thì sẽ được cảm thọ thân lạc. Sau khi cảm thọ thân lạc thì tâm sẽ định²⁹. Với tâm định, Thánh đệ tử hãy học điều này: “Tôi đối với nghĩa này, nếu tâm còn phân tán ra ngoài, thì nên nhiếp phục khiến cho nó dừng nghỉ, không còn khởi giác tưởng và quán tưởng³⁰. Không giác, không quán, an trú lạc với xả và chánh niệm. Sau an trú lạc, thì biết như thật. Niệm xứ thọ, tâm, pháp cũng nói như vậy.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 616. TRÙ SĨ³¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy nắm chặt tướng tự tâm, chớ để phân tán ra ngoài. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo ngu si, không hiểu biết rõ ràng³², không khéo léo, không nắm lấy tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này sau đó sẽ bị thoái giảm và tự sanh ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp ngu si nếu không hiểu biết, không khéo léo điều hòa

²⁸. Tham chiếu Pāli: *tassa kāye kayānupassiṇo viharato kayārammaṇo vā uppajjati kāyasmim parilāho, cetaso vā linattam, bahiddhā vā cittam vikkhipati, tenānanda bhikkhunā kismiñciveva pasādanīye nimitte cittaṃ paṇidahitabbam*, “Vị ấy sống quán thân trên thân, hoặc sờ duyên của thân khởi lên, hoặc có sự bức rức trong thân, hoặc tâm co rút, hoặc tâm tán loạn ra bên ngoài; Tỳ-kheo ấy hãy cố định tâm trên một ảnh tượng trong sáng nào đó”.

²⁹. Sau khi trụ tâm trên tịnh tướng, tuần tự các trạng thái khởi lên: *pamudita*, duyệt (vui thích), *pīti*, hỷ (khoan khoái), *passadhakāya*, thân ý tức hay khinh an (cảm giác thân thể nhẹ nhàng), *sukha*, an lạc và cuối cùng *samādhi*, định.

³⁰. Pāli: *so paṭisaṃharati ceva na ca vitakketi na vicāreti*, “Vị ấy khi nhiếp phục như vậy, không còn tầm cầu, không còn tư sát (trạng thái không tầm và không tứ).

³¹. Người đầu bếp. Pāli, S.47.8 Sūda.

³². Hán: bất biện 不辨. Pāli: *avyatto*, không thông minh, không năng lực.

các vị để phụng dưỡng tôn chủ; chua, mặn, lạt, không vừa ý; không giỏi nắm bắt sở thích của chủ để điều các vị chua, mặn, lạt; không hay tự thân hầu hạ hai bên chủ, dò xem những nhu cầu của chủ, lắng nghe những sở thích của chủ, khéo nắm bắt được tâm ý chủ, rồi tùy ý pha chế điều hòa các vị để dâng cho chủ. Nếu không vừa ý, ông chủ sẽ không vui lòng; vì không vui lòng nên không ban thưởng và cũng không thương mến. Tỳ-kheo ngu si cũng lại như vậy, nếu không hiểu biết, không khéo léo, sống quán thân trên thân mà không thể dứt trừ tùy phiền não³³, không thể nhiếp giữ tâm mình; lại cũng không được nội tâm tịch tĩnh, không được chánh niệm, chánh tri thắng diệu; trong hiện tại, cũng không được bốn thứ pháp tăng thượng tâm sống an lạc nay trong hiện tại³⁴, cứu cánh Niết-bàn an ổn vốn chưa chứng đắc thì không thể chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo ngu si không hiểu biết, không khéo léo, không thể khéo thu nhiếp tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, tự sanh chướng ngại.

“Nếu Tỳ-kheo nào, có trí tuệ biện tài, có phương tiện thiện xảo, sau khi nắm chặt nội tâm, rồi sau đó tiếp nhận tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này về sau hoàn toàn không bị thoái giảm, hay tự tạo ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp trí tuệ thông minh hiểu biết, có phương tiện thiện xảo, để cung phụng tôn chủ; có khả năng điều hòa các vị chua, ngọt, lạt, mặn; khéo bắt nắm dấu hiệu sở thích của chủ mà điều hòa các vị làm sao cho vừa lòng; lắng nghe vị mà chủ ưa thích, nhiều lần cung phụng. Khi chủ đã vừa lòng rồi, thì chắc chắn sẽ được yêu mến gấp bội và sẽ được trọng thưởng. Như vậy người đầu bếp có trí tuệ, khéo léo nắm bắt được tâm người chủ. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, sống quán thân trên thân, đoạn trừ tùy phiền não, khéo biết nhiếp tâm mình, nội tâm tịch tĩnh, chánh niệm, chánh tri, đạt được bốn pháp tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời, đạt được cứu cánh an ổn Niết-bàn vốn chưa từng chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo có trí tuệ, biện tài, có phương tiện thiện xảo, hay nắm bắt tướng nội tâm và nắm bắt tướng bên ngoài, không bao giờ thoái giảm và tự bị chướng ngại.

³³. Hán: thượng phiền não 上煩惱. Pāli: upakkilesā.

³⁴. Tứ tăng tâm pháp, hiện pháp lạc trú 四增心法現法樂住; bốn thiền cũng gọi là bốn tăng thượng tâm, hay bốn hiện pháp lạc trú.

“Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 617. ĐIỀU³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một con chim tên là La-bà³⁶, bị chim Ưng bắt bay lên hư không. Ở giữa hư không nó kêu la: ‘Vì ta không tự cảnh giác nên bỗng gặp nạn này. Vì ta đã lìa bỏ chỗ ở của cha mẹ mà đi chơi chỗ khác nên mới gặp nạn này. Hôm nay bị kẻ khác làm khốn khổ, không được tự do!’

“Chim Ưng bảo La-bà:

“-Nơi nào là chỗ ở tự do của ngươi?”

“La-bà đáp:

“-Tôi có cảnh giới của mình nơi rãnh cày trong đồng ruộng³⁷. Đủ để tránh các tai nạn. Đó là nhà tôi, cảnh giới của cha mẹ nhà tôi.

“Chim Ưng tỏ vẻ kiêu mạn đối với La-bà, bảo:

“-Cho ngươi trở về nơi rãnh cày trong đồng ruộng, thử có thoát được không?”

“La-bà này thoát khỏi móng vuốt chim Ưng trở về ở yên dưới một khối đất to nơi rãnh cày. Sau đó ở trên khối đất to, La-bà muốn khiêu chiến cùng chim Ưng. Chim Ưng phẫn nộ mắng: ‘Ngươi là loài chim nhỏ mà muốn giao chiến cùng ta sao?’

“Quá đỗi phẫn nộ chim Ưng bay lao thẳng tới bắt lấy, nhưng La-bà lại núp vào dưới khối đất to; chim Ưng đang đà lao tới, ngực bị va vào khối đất cứng, nát thân chết liền. Bấy giờ, chim La-bà đang phục sâu dưới khối đất, ngẩng lên nói kệ:

³⁵. Pāli, S.47.6 Sakuṇaggahī. Cf. Jātaka 168.

³⁶. La-bà 羅婆. Pāli: lāpa, giống chim cú.

³⁷. Hán: điển canh lũng 田耕壟.

“Chim Ưng dùng sức đến,
 La-bà trong cõi mình.
 Sức cường thịnh theo sân,
 Nên gây họa nát thân.
 Ta thông đạt tất cả,
 Nên nương trong cõi mình;
 Đẹp oán, tâm tùy hỷ,
 Tự vui xét sức mình.
 Người dẫu có hung ác,
 Sức trăm ngàn rồng, voi;
 Không bằng trí tuệ ta,
 Trong một phần mười sáu.
 Xem trí ta thù thắng,
 Tiêu diệt được chim Ưng.”

“Như vậy, này Tỳ-kheo, như chim Ưng kia, ngu si bỏ cảnh giới của cha mẹ, dạo chơi nơi khác, đến nỗi phải bị tai họa. Tỳ-kheo các ông cũng nên như vậy, phải ở nơi chính cảnh giới sở hành của mình, nên khéo giữ gìn và tránh xa cảnh giới kẻ khác. Hãy nên học.

“Này các Tỳ-kheo, chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác, là chỉ cho cảnh giới của năm dục: Sắc nhận thức bởi mắt, đẹp, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm; tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm. Đó gọi là chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác đối với Tỳ-kheo.

“Này các Tỳ-kheo, ở nơi cảnh giới của cha mẹ mình, là chỉ cho bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên pháp. Cho nên, Tỳ-kheo hãy đi dạo nơi cảnh giới của cha mẹ mình, tránh xa chỗ khác, cảnh giới kẻ khác. Hãy học như vậy.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

KINH 618. TỨ QUẢ.

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với bốn Niệm xứ mà tu tập, tu tập nhiều, sẽ đạt được bốn quả Thánh và, bốn loại phước lợi, đó là: Quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 619. TƯ-ĐÀ-GIÀ³⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hành trong nhân gian đến trong rừng Thân-thứ, tại phía Bắc xóm Tư-già-đà³⁹. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thời quá khứ có một nghệ sư leo phướn⁴⁰, dựng cột phướn trên vai và bảo học trò: ‘Các con hãy leo lên, leo xuống cột phướn. Hãy hộ trì ta, ta cũng hộ trì các con; thay đổi nhau mà hộ trì, đi dạo làm trò vui, chúng ta sẽ kiếm được nhiều tiền của.’ Lúc ấy, người học trò bạch thầy: ‘Không bằng nói như vậy: Chỉ cần mỗi người tự chăm sóc hộ trì chính mình, đi dạo làm trò vui, thì sẽ kiếm được nhiều tiền của, thân được thư thả an ổn mà lên xuống.’ Ông thầy đáp: ‘Đúng như lời con nói, mỗi người phải tự chăm sóc hộ trì chính mình. Nhưng nghĩa này cũng như ta đã nói. Khi hộ trì mình, tức là hộ trì người khác. Khi hộ trì người khác cũng là hộ trì chính mình.’

“Tâm tự thân cận, tu tập; tùy sự hộ trì mà tác chứng. Đó gọi là tự

³⁸. Pāli, S.47.19 Sedaka.

³⁹. Tư-già-đà 私伽陀. Pāli:sumbhesu viharati sedakaṃ nāma sumbhānaṃ nigamo, giữa những người Sumbha, tại xóm Sedaka của người Sumbha.

⁴⁰. Duyên tràng kỹ sư 緣幢伎師: người nhào lộn trên cột phướn. Pāli: caṇḍālavamsika.

hộ trì mình tức là hộ trì người⁴¹. Thế nào là tự hộ trì mình tức là hộ trì người? Không khủng bố người khác, không chống trái người khác, không hại người khác, có từ tâm thương xót người. Đó gọi là tự hộ trì mình tức là hộ trì người. Cho nên các Tỳ-kheo cần phải học như vậy. Người tự hộ trì là tu tập bốn Niệm xứ. Hộ trì người cũng là tu tập bốn Niệm xứ.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 620. DI HẦU⁴²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Trúc, khu Ca-lan-đà nơi thành Vương xá. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Trong núi Đại tuyết, chỗ hiểm trở băng giá, khỉ vượn sống còn không được, huống chi là con người. Hoặc có núi có khỉ, vượn ở mà không có người. Hoặc có núi nơi người và thú cùng ở chung. Trên lối đi của khỉ vượn, thợ săn dùng keo bôi lên cỏ. Những con vượn khỉ nào khôn ngoan thì tránh xa bỏ đi. Những vượn khỉ con ngu si không biết tránh xa, thì dùng tay chạm vào chút xíu, liền bị dính tay. Nó dùng tay kia để gỡ, tức thì dính cả hai tay. Nó lại dùng chân để gỡ, hai chân cũng bị keo dính luôn. Nó dùng miệng cắn cỏ, miệng cũng bị keo dính chặt. Năm chỗ đều bị dính keo, phải nằm co quắp trên đất. Thợ săn đi đến, vói lấy gậy xỏ vào khiêng đi.

“Tỳ-kheo nên biết, bọn vượn khỉ ngu si rời bỏ cảnh giới của mình, chỗ ở của cha mẹ, đi chơi nơi cảnh giới kẻ khác, nên bị khổ não này. Cũng vậy, Tỳ-kheo, phạm phu ngu si, sống nương ở nơi làng xóm, sáng sớm đắp y, mang bát vào thôn khát thực, không khéo hộ trì thân và không thủ hộ các căn. Mắt thấy sắc liền sanh ra nhiễm đắm; tai với âm thanh, mũi với mùi, lưỡi với vị, thân với xúc đều sanh ra

⁴¹. Pāli: āsevanāya, bhāvanāya, bahulikammaena, evaṃ kho bhikkhave, attānaṃ rakkhanto paraṃ rakkhanti, “Bằng sự thân cận, bằng sự tu tập, bằng sự tu tập nhiều lần, như vậy là hộ trì người khác trong khi hộ trì chính mình”.

⁴². Pāli, S.47.7 Makkaṭa.

nhiễm đấm. Tỳ-kheo ngu si sau khi các căn bên trong và các cảnh bên ngoài bị trói buộc năm chỗ, nên bị lệ thuộc vào ước muốn của ma. Cho nên các Tỳ-kheo cần nên học tập như vậy: ‘Hãy chỉ nơi đi lại của mình, chỗ ở của cha mẹ mà sống, chớ đi đến chỗ khác và cảnh giới kẻ khác.’

“Thế nào là nơi đi lại của mình, nơi ở của cha mẹ Tỳ-kheo? Là chỉ cho bốn Niệm xứ: Sống với chánh niệm quán thân trên thân, sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 621. NIÊN THIẾU TỖ-KHEO⁴³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-nan cùng các Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, nên dạy dỗ cho họ như thế nào? Nên nói pháp cho họ như thế nào?”

Phật bảo Tôn giả A-nan:

“Các Tỳ-kheo trẻ tuổi này, nên dùng bốn Niệm xứ dạy cho họ tu tập. Những gì là bốn? Đó là: Sống chánh niệm quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh trí, chánh niệm, tâm tịch định... cho đến, biết rõ thân⁴⁴. Sống chánh niệm quán, thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm định tĩnh... cho đến biết pháp. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo còn trụ ở địa vị hữu học mà chưa thăng tiến được, nhưng đang chí cầu Niết-bàn an ổn, thì hãy sống chánh niệm quán thân trên

⁴³. Pāli, S.47.4 Salla.

⁴⁴. Pāli: kāye kayānupassino viharatha ātāpino sampajānā ekodibhūtā vipasannacittā samhitā ekaggacittā kāya yathābhūtaṃ nāṇāya, “Để có nhận thức như thực về thân, các người hãy sống quán thân trên thân, nhiệt hành, chánh trí, chuyên nhất, tâm trong sáng, định tĩnh, tâm nhất cảnh”.

thân, phương tiện tinh cần, không hành buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tịnh; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, không hạnh buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm tịch tịnh... cho đến xa lìa đối với pháp.

“Nếu A-la-hán, các lậu đã hết, việc làm đã xong, đã bỏ hết gánh nặng, dứt hẳn các kết sử, bằng chánh trí mà khéo giải thoát; nhưng chính lúc này, cũng tu, sống quán thân trên thân, phương tiện tinh cần, không hạnh buông lung, chánh niệm, chánh trí, tâm vắng lặng, sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp,... cho đến xa lìa đối với pháp.”

Bấy giờ, Tôn giả A-nan, tùy hỷ hoan hỷ, đánh lễ mà lui.

**
*

KINH 622. AM-LA NỮ⁴⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại Bạt-kỳ, du hành trong nhân gian, đến nghỉ trong vườn Am-la, nước Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có nàng kỹ nữ Am-la nghe tin Đức Thế Tôn du hành từ Bạt-kỳ đến ở trong vườn Am-la, liền sửa soạn đánh xe ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn cung kính cúng dường. Khi đến cửa vườn Am-la, xuống xe đi bộ, từ xa trông thấy Thế Tôn thuyết pháp cho đại chúng đang vây quanh. Thế Tôn thấy nàng Am-la sắp đến, bảo các Tỳ-kheo:

“Này các Tỳ-kheo, các ông nên tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các ông.

“Thế nào là Tỳ-kheo tinh cần nhiếp tâm an trụ? Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì nên đoạn trừ, phát khởi ý chí, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm; đối với pháp ác bất thiện nếu chưa sanh, thì đừng để sanh. Đối với pháp thiện chưa sanh thì nên làm cho phát sanh; nếu pháp thiện đã sanh, thì khiến an trụ không để mất. Tu tập đầy đủ, phát khởi ý chí, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm. Đó gọi là Tỳ-kheo tinh cần an trụ nhiếp tâm.

“Thế nào gọi là Tỳ-kheo chánh trí? Nếu Tỳ-kheo nào trong

⁴⁵. Pāli, S.47.1 Ambapāli.

những oai nghi tới, lui, thường theo chánh trí; quay nhìn, trông, ngắm, co, duỗi, cúi, ngược, cầm y bát, đi, đứng, nằm, ngồi, ngủ, nghỉ, thức, nói, im lặng, đều an trụ với chánh trí. Đó là chánh trí.

“Thế nào là chánh niệm? Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm. Cho nên, các ông hãy tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các ông.”

Khi nàng Am-la đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên. Bảy giờ, Thế Tôn vì người nữ Am-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ, sau đó Ngài im lặng.

Nàng Am-la sửa lại y phục đánh lễ Phật, rồi chấp tay bạch Phật:

“Xin Thế Tôn và đại chúng nhận lời mời cúng dường trưa mai của con.”

Khi ấy, Thế Tôn im lặng nhận lời. Người nữ Am-la biết Thế Tôn đã im lặng nhận lời, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi cáo từ về nhà mình, sửa soạn thức ăn, sắp xếp bàn ghế. Sáng sớm hôm sau cho người đến bạch Phật là đã đến giờ.

Bảy giờ, Thế Tôn và đại chúng cùng đi đến nhà người nữ Am-la, an tọa xong. Lúc này người nữ Am-la tự tay cúng dường các thứ đồ ăn thức uống. Sau khi thọ thực rồi, rửa tay, rửa bát xong, người nữ Am-la đặt một cái ghế nhỏ ngồi trước Phật, nghe Phật nói pháp. Bảy giờ, Thế Tôn vì người nữ Am-la nói kệ tùy hỷ:

*Bố thí, người yêu mến,
Được nhiều người theo mình;
Tiếng tăm ngày càng rộng,
Gần xa đều nghe hết.
Trong chúng thường hòa nhã,
Lìa keo kiệt, không sợ;
Cho nên trí tuệ thí,
Đoạn keo lẩn không còn.
Sanh lên trời Đạo-lợi,*

*Mãi mãi hưởng khoái lạc;
Suốt đời thường tu đức,
Vui chơi vườn Nan-đà⁴⁶.
Gồm trăm thứ nhạc trời,
Năm dục đẹp lòng mình;
Kia khi ở đời này,
Được nghe Phật nói pháp.
Làm đệ tử Thiên Thệ,
Vui hóa sanh về đó.*

Sau khi Thế Tôn vì người nữ Am-la nói pháp, khai thị, chỉ giáo, soi sáng, làm cho hoan hỷ xong, Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

**
*

KINH 623. THẾ GIAN⁴⁷

Tôi nghe như vậy.

Một thời, Phật ở trong vườn Lộc dã, nơi Tiên nhân trú xứ tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Các sắc đẹp thế gian⁴⁸; người có sắc đẹp thế gian có thể khiến cho mọi người tụ tập lại để ngắm nhìn chăng?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, đúng vậy!”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian, lại có thể múa hát ca nhạc, có càng làm cho mọi người tụ tập lại để xem không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, có vậy!”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hoặc có sắc đẹp thế gian, người có sắc đẹp thế gian mà ở một chỗ múa hát, ca nhạc, diễn trò, lại có đám đông tụ tập lại một

⁴⁶. Khu vườn trên trời Đao-lợi. Xem cht.2, kinh 576.

⁴⁷. Pāli, S.47.20 Janapada.

⁴⁸. Thế gian mỹ sắc 世界美色. Pāli: janapadakalyāṇī, mỹ nữ của cả nước, mỹ nhân quốc sắc.

nơi. Nếu có người không ngu, không si, ham vui, chán khổ, tham sống, sợ chết. Có người khác bảo nó rằng: ‘Người đàn ông kia, người hãy bưng bát dầu đây này, đi qua giữa người đẹp thế gian và đám đông. Ta sai một kẻ giết người cầm đao theo sau. Nếu người làm rơi đi một giọt dầu, thì sẽ bị chém chết liền.’ Thế nào, Tỳ-kheo, người bưng bát dầu này có thể không nghĩ đến bát dầu, không nghĩ đến kẻ giết người mà chỉ nhìn xem kỹ nữ và mọi người kia chẳng?’

Các Tỳ-kheo, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không thể! Vì sao? Bạch Thế Tôn, vì người này tự thấy ở sau mình có người cầm đao, nên lúc nào cũng nghĩ rằng: ‘Nếu ta làm rơi đi một giọt dầu, thì tên đao phủ kia sẽ chém đầu ta.’ Nên chỉ để hết tâm chú ý vào bát dầu, bước đi chậm rãi giữa mọi người và sắc đẹp thế gian mà không dám liếc ngoáy quay nhìn.”

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu có Sa-môn và Bà-la-môn nào thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp⁴⁹, trụ nơi thân niệm xứ, thì đó là đệ tử của Ta, vâng lời Ta dạy.

“Thế nào là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ, Như vậy, này các Tỳ-kheo sống quán niệm thân trên thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Sống quán niệm thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng lại như vậy, đó gọi là Tỳ-kheo thân mình ngồi ngay thẳng, tự ổn cố, chuyên nhất tâm mình, không chạy theo âm thanh hình sắc, khéo thu nhiếp tất cả tâm pháp, trụ nơi thân niệm xứ.”

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ:

*Chuyên tâm chánh niệm,
Giữ gìn bát dầu;*

⁴⁹. Hán: chánh thân tự trọng... 正身自重. Pāli: bahūlikatā yānikatā vatthukatā anuṭṭhitā paricitā susamāradhā, (bốn Niệm xứ) được tu tập nhiều, được làm thành như cỗ xe, làm thành như nền đất, được thể nghiệm, được tích lũy, được khéo sách tiến.

Tự tâm theo giữ,
 Chuta từng tới đó.
 Rất khó vượt qua,
 Vi tế thắng diệu;
 Những gì Phật dạy,
 Là lời gương bén.
 Cần một lòng mình,
 Chuyên tinh gìn giữ;
 Không phải là việc;
 Buông lung người đời.
 Như vậy thâm nhập,
 Giáo không buông lung.

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

KINH SỐ 624. UẤT-ĐỂ-CA⁵⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Uất-để-ca⁵¹ đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Lành thay, Đức Thế Tôn! Xin vì con nói pháp. Sau khi nghe pháp, con sẽ ở một mình chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung và suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến không còn tái sinh nữa.*”

Phật bảo Tôn giả Uất-để-ca:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Như những gì người nói. Nhưng đối với những pháp mà Ta đã nói, mà không làm cho Ta hài lòng, thì sự nghiệp của người kia cũng không thành tựu. Tuy đi theo sau Ta nhưng không được lợi ích, trái lại còn sanh chướng ngại.”

⁵⁰. Pāli, S. 47.16; Uttiya; 47.15 Bāhiya.

⁵¹. Uất-để-ca 鬱低迦. Pāli: Uttiya.

Uất-đế-ca bạch Phật:

“Theo những gì Thế Tôn đã nói, con có thể làm Thế Tôn hài lòng, sự nghiệp của con được thành tựu không sanh chướng ngại. Xin Thế Tôn vì con nói pháp, con sẽ ở một mình chỗ vắng, chuyên tinh tư duy sống không buông lung. *Nói đầy đủ như trên, ... cho đến không còn tái sanh nữa. Hai ba lần bạch thỉnh như vậy.*”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Uất-đế-ca:

“Trước hết người nên làm thanh tịnh nghiệp bản sơ⁵² của mình, sau đó tu tập phạm hạnh.”

Uất-đế-ca bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nay con làm thế nào để tẩy sạch nghiệp bản sơ của mình để tu tập phạm hạnh?”

Phật dạy Uất-đế-ca:

“Trước hết người phải làm thanh tịnh cho giới, chánh trực cho trí kiến, ba nghiệp phải đầy đủ, sau đó tu tập bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là: Sống an trú chánh niệm quán thân trên nội thân, phương tiện, tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, sống an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân trên thân, sống an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói đầy đủ như vậy.”

Khi Uất-đế-ca nghe Phật dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ từ chỗ ngồi đứng dậy lui ra.

Sau khi nghe Phật chỉ dạy rồi, một mình Uất-đế-ca ở chỗ vắng chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, tự suy nghĩ về lý do khiến người thiện nam cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà, ... cho đến không còn tái sanh nữa.

Như những gì Uất-đế-ca hỏi. Cũng vậy, những gì Tỳ-kheo khác hỏi, cũng dạy như trên.

**
*

⁵². Hán: tịnh kỳ sơ nghiệp 淨其初業. Pāli: ādim eva visodhehi kusalesu dhammesu, “Hãy làm thanh tịnh pháp căn bản (hay bản sơ) trong các thiện pháp”.

KINH 625. BÀ-HÊ-CA⁵³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy có một Tỳ-kheo tên là Bà-hê-ca⁵⁴ đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, lành thay! Thế Tôn, xin vì con mà nói pháp.”

Như kinh đã nói đầy đủ với Tôn giả Uất-đê-ca ở trước, chỉ có sự sai biệt là:

“Như vậy, này Bà-hê-ca, Tỳ-kheo làm sạch nghiệp bản sơ, là an trú chánh niệm quán thân trên thân, vượt qua các ma, an trú chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp vượt qua các ma.”

Sau khi Tỳ-kheo Bà-hê-ca nghe Phật nói pháp, chỉ dạy xong, tùy hỷ hoan hỷ đánh lễ lui ra. Sau đó một mình ở chỗ vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung... cho đến không còn tái sinh nữa.

**
*

KINH 626. TỖ-KHEO

Kinh thứ hai cũng nói như kinh trên, chỉ có sự sai khác là: Như vậy, Tỳ-kheo vượt qua sanh tử.

**
*

KINH 627. A-NA-LUẬT⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả A-na-luật-đà đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, nếu có Tỳ-kheo nào còn ở học địa chưa thăng tiến được, mà phương tiện tâm cầu an ổn Niết-bàn, Thánh đệ tử ấy đối

⁵³. Pāli, S.47.15 Bāhika.

⁵⁴. Bà-hê-ca 婆醯迦. Pāli: Bāhika (Bāhya).

⁵⁵. Pāli, tham chiếu S.47.26 Padesa.

với Chánh pháp luật phải làm thế nào để tu tập, tu tập nhiều, dứt sạch các lậu... cho đến tự biết không còn tái sinh nữa”.

Phật bảo A-na-luật:

“Nếu Thánh đệ tử còn ở học địa chưa thăng tiến được, mà phương tiện tâm cầu an ổn Niết-bàn, vị ấy lúc bấy giờ hãy chánh niệm an trú quán thân trên nội thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, chánh niệm an trú quán thọ, tâm, pháp trên pháp, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Khi Thánh đệ tử tu tập nhiều như vậy rồi, thì sẽ sạch hết các lậu... cho đến tự biết không còn tái sinh nữa.”

Phật dạy kinh này xong, Tôn giả A-na-luật nghe những gì Phật dạy, tùy hỷ hoan hỷ làm lễ rồi lui.

**
*

KINH 628. GIỚI⁵⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm⁵⁷, ấp Ba-liên-phát⁵⁸. Khi ấy các Tôn giả Ưu-đà-di, A-nan-đà cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Ưu-đà-di đến chỗ Tôn giả A-nan, cùng ân cần chào hỏi nhau, rồi ngồi lui qua một bên, nói với Tôn giả A-nan:

“Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là Đấng Tri Giả, Kiến Giả, đã vì các Tỳ-kheo nói về Thánh giới, khiến cho không dứt, không khuyết, không rạn⁵⁹, không lìa, không bị giới thủ⁶⁰, khéo rớt ráo, khéo thọ trì, được bậc trí khen ngợi, không bị ghét bỏ. Vì sao Như Lai Ứng Đẳng Chánh, là Đấng Tri Giả, Kiến Giả, vì các Tỳ-kheo nói về Thánh

⁵⁶. Pāli, S.47.21 Sīla.

⁵⁷. Kê lâm tinh xá 鷄林精舍. Pāli: Kukkaṭārāma.

⁵⁸. Ba-liên-phát ấp 巴連弗邑. Pāli: Pāṭaliputta.

⁵⁹. Hán: bất trạch 不擇. Tham chiếu Pāli, D.iii. Saṅgīti:...akaṇḍehi acchidehi asabalehi akammāsehe bhujissehi viññuppasatthehi aparāmatthesi... không bị khuyết, không bị vỡ, không tì vết, không bị dóm, khiến cho tự do, không bị cố chấp, được kẻ trí khen ngợi...

⁶⁰. Bất giới thủ 不戒取, giới bị cố chấp. Pāli: aparāmaṭṭha. xem cht. 59 trên.

giới khiến cho không đứt, không khuyết,... cho đến được bậc trí khena ngợi, không bị ghét bỏ?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đà-di:

“Vì để tu tập bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, trở về chỗ ở của mình.

**
*

KINH 629. BÁT THOÁI CHUYỂN⁶¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

“Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều, mà không thoái chuyển không?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

“Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến người tu hành không bị thoái chuyển, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai Chánh sĩ bàn luận xong, trở về chỗ ở của mình.

**
*

KINH 630. THANH TỊNH⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Rồi, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

“Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh và càng trở nên sáng chói không?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

⁶¹. Pāli, S.47.23 Parihāna. Xem kinh 628 trên.

⁶². Xem kinh 629 trên.

“Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh và trở nên sáng chói, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai Tôn giả bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

**
*

KINH 631. ĐỘ BỈ NGẠN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Một hôm Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

“Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, được qua bờ bên kia không?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

“Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể khiến cho chúng sanh chưa qua bờ bên kia, sẽ được qua bờ bên kia, đó là bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

**
*

KINH 632. A-LA-HÁN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phất. Các Tôn giả A-nan và Tôn giả Bạt-đà-la cũng ở đó. Bấy giờ, Tôn giả Bạt-đà-la hỏi Tôn giả A-nan:

“Có pháp nào tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán không?”

Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Bạt-đà-la:

“Có pháp tu tập, tu tập nhiều có thể đắc quả A-la-hán, đó là

bốn Niệm xứ: Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Sau khi hai vị Chánh sĩ bàn luận xong, mỗi người trở về chỗ ở của mình.

**
*

KINH 633. NHẤT THIẾT PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Được nói là tất cả các pháp. Tất cả pháp là bốn Niệm xứ, đó gọi là chánh thuyết. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Một thời, Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

**
*

KINH 634. HIỀN THÁNH⁶³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào, tu tập, tu tập nhiều đối với bốn Niệm xứ, thì gọi đó là Hiền thánh xuất ly⁶⁴. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như xuất ly, cũng vậy chính thức hết khổ, giải thoát khổ, được quả vị lớn, được pháp cam lộ, cứu cánh cam lộ, chứng pháp cam lộ, cũng nói đầy đủ như vậy.⁶⁵

**
*

⁶³. Pāli, S.47.17 Ariya.

⁶⁴. Hiền thánh xuất ly 賢聖出離. Pāli: ariyā niyānikā, vị Thánh giả đã thoát ly (khổ).

⁶⁵. Tóm tắt có bảy kinh.

KINH 635. QUANG TRẠCH

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào tu tập, tu tập nhiều đối với bốn Niệm xứ, có thể khiến cho chúng sanh không thanh tịnh trở thành thanh tịnh; chúng sanh đã thanh tịnh rồi khiến cho càng trở nên sáng chói. Những gì là bốn? Đó là, sống quán thân trên thân; sống quán thọ, tâm, pháp trên pháp.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

Như thanh tịnh chúng sanh, cũng vậy chúng sanh chưa qua được bờ bên kia khiến cho qua, đấng A-la-hán, đấng Bích-chi-phật, đấng Vô thượng Bồ-đề cũng nói như trên.

**
*

KINH 636. TỖ-KHEO⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Ta sẽ vì các Tỳ-kheo nói về bốn Niệm xứ.

“Thế nào là tu bốn Niệm xứ? Nay các Tỳ-kheo, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, giảng nói chánh pháp, những lời giảng nói ban đầu, khoảng giữa và sau cùng, tất cả đều lành, nghĩa lành, vị lành, hoàn toàn thuần nhất thanh tịnh, phạm hạnh được hiển hiện. Nếu có tộc tánh nam, hay tộc tánh nữ, nghe pháp từ Phật, được tín tâm thanh tịnh; tu học như vậy: thấy sự tai hại của tại gia liên hệ với dục lạc, là phiền não ràng buộc, nên thích sống ở nơi vắng vẻ, xuất gia học đạo,

⁶⁶. Pāli, S.47.3 Bhikkhu.

không thích tại gia, mà sống không nhà; chỉ muốn một mực thanh tịnh, suốt đời hoàn toàn thuần nhất trong sạch, phạm hạnh trong sáng, ‘Ta nên cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà.’ Suy nghĩ như vậy rồi, liền vất bỏ tiền tài, thân thuộc, cạo bỏ râu tóc, khoác áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; thân hành đoạn chánh, giữ gìn bốn sự lỗi lầm của miệng, chánh mạng thanh tịnh; tu tập giới Hiền thánh, giữ gìn cửa các căn, chánh niệm hộ tâm.

“Khi mắt thấy sắc thì không nắm giữ hình tướng; nếu đối với mắt mà an trụ bất luật nghi⁶⁷, tham ưu thế gian, pháp ác bất thiện hay lọt vào tâm. Nhưng hiện tại, đối với mắt mà khởi chánh luật nghi; và đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng khởi chánh luật nghi như vậy.

“Người kia sau khi thành tựu được Giới luật Hiền thánh, lại khéo nhiếp thủ các căn, đi tới đi lui, quay nhìn, co duỗi, nằm ngồi, thức ngủ, nói năng, im lặng đều trụ ở trong chánh trí.

“Người kia sau khi thành tựu Thánh giới, phòng hộ các căn môn này, lại tu tập chánh trí chánh niệm, tịch tịnh viễn ly; chỗ vắng, dưới bóng cây, hay trong phòng vắng, ngồi một mình, chánh thân, chánh niệm, buộc tâm an trụ, đoạn tham ưu thế gian, lìa tham dục, trừ sạch tham dục; dứt trừ các triền cái ở đời là sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi; xa lìa các triền cái sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi; trừ sạch các triền cái sân nhuế, thù miên, trạo hối, nghi; đoạn trừ năm triền cái chúng làm tâm suy yếu tuệ bạc nhược, chướng ngại các giác phần, không hưởng đến Niết-bàn. Thế nên, vị ấy an trú chánh niệm quán niệm thân trên nội thân, phương tiện tinh cần, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu của thế gian. Cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân, thọ tâm pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đó gọi là Tỳ-kheo tu bốn Niệm xứ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
**

⁶⁷. Trụ bất luật nghi 住不律儀, tức sống không phòng hộ. Pāli: asaṃvara.

KINH 637. BA-LA-ĐỀ-MỘC-XOA⁶⁸

Tôi nghe như vậy.

Một thời, Phật trú tại tinh xá Kê lâm, ấp Ba-liên-phát. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nên tu bốn Niệm xứ. Nói đầy đủ như trên, chỉ có sự sai biệt là:... cho đến xuất gia như vậy, rồi ở nơi yên tĩnh, nhiếp trì Ba-la-đề-mộc-xoa, thành tựu luật nghi đầy đủ; đối với tội nhỏ nhặt cũng sanh lòng sợ hãi lớn, thọ trì học giới, lià sát sanh, dứt sát sanh, không thích sát sanh,... cho đến tất cả nghiệp đạo như đã nói ở trước, y bát luôn ở bên mình, như chim có hai cánh. Thành tựu học giới như vậy là nhờ tu bốn Niệm xứ.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 638. THUẦN-ĐÀ⁶⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn trúc Ca-lan-đà, tại thành Vương xá. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong làng Ma-kiệt-đề Na-la⁷⁰, bị bệnh và vào Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà⁷¹ chăm sóc, cúng dường. Tôn giả Xá-lợi-phất nhân bệnh mà Niết-bàn. Sa-di Thuần-đà sau khi cúng dường Tôn giả Xá-lợi-phất, nhặt lấy xá-lợi còn lại, mang theo cùng với y bát đến thành Vương xá. Đến nơi, thâu cất y bát, rửa chân xong, Sa-di Thuần-đà đi đến chỗ Tôn giả A-nan, đánh lễ rồi, lui đứng một bên, bạch:

“Bạch Tôn giả, Hòa thượng của con là Tôn giả Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây.”

Tôn giả A-nan nghe Sa-di Thuần-đà báo tin ấy rồi, liền đi đến chỗ Phật, bạch rằng:

⁶⁸. Pāli, S.47.46 Pāṭimokkha.

⁶⁹. Pāli, S.47.13 Cuṇḍa.

⁷⁰. Ma-kiệt-đề Na-la tụ lạc 摩竭提那羅聚落. Pāli: Magadha-Nalagāma, thôn Na-la ở Magadha.

⁷¹. Thuần-đà 純陀. Pāli: Cuṇḍa.

“Bạch Thế Tôn, hôm nay con tưởng chừng thân thể rã rời, bốn phương đổi khác, mờ ám, nghẹn ngào không nói nên lời. Sa-di Thuần-đà nói với con rằng: ‘Hòa thượng Xá-lợi-phất đã Niết-bàn. Con đem xá-lợi và y bát về đây.’”

Phật dạy:

“Thế nào A-nan? Xá-lợi-phất đem cái thân đã thọ giới⁷² mà Niết-bàn, hay là định thân, tuệ thân, giải thoát thân, hay giải thoát tri kiến thân Niết-bàn?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không phải vậy.”

Phật bảo A-nan:

“Hay là pháp được thuyết mà Ta tự chứng tri, thành Đẳng chánh giác, tức là bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi và tám Thánh đạo; đem những pháp này mà nhập Niết-bàn?”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, không. Tuy không đem cái thân thọ giới... cho đến các pháp đạo phẩm mà Niết-bàn, nhưng Tôn giả Xá-lợi-phất giữ giới, học nhiều, ít muốn, biết đủ, thường tu hạnh viễn ly, tinh cần, phương tiện, nhiếp niệm an trụ, nhất tâm chánh định, trí tuệ bén nhạy, trí tuệ sâu xa, trí tuệ siêu việt, trí tuệ phân biệt, trí tuệ lớn, trí tuệ rộng, trí tuệ sâu, trí tuệ không ai bằng, trí báu thành tựu, hay chỉ bày, hay dạy dỗ, hay soi sáng, hay làm cho hoan hỷ, khéo léo khen ngợi, vì chúng nói pháp. Cho nên bạch Thế Tôn, con vì pháp, vì người lãnh thọ giáo pháp, cảm thấy buồn rầu khổ não.”

Phật dạy A-nan:

“Người chớ buồn rầu khổ não! Vì sao? Hoặc sanh⁷³, hoặc khởi, hoặc tạo tác, đều là pháp hữu vi bại hoại; làm sao có thể không bại hoại? Muốn cho không hoại, không có trường hợp ấy. Trước đây Ta đã nói, tất cả những vật yêu thích, những việc hợp ý, tất cả đều là pháp

⁷². Thọ giới thân 受戒身. Pāli: Sīla-kkhandā, giới uẩn.

⁷³. Sanh 生, bản Cao-ly: tọa坐. Tham chiếu Pāli: yaṃ taṃ jātaṃ bhūtaṃ sankhataṃ palokadhammaṃ, cái gì là sanh, là tồn tại, là hữu vi, là pháp bại hoại.

trái lìa, chẳng thể giữ mãi⁷⁴. Ví như cội cây to, rễ, cành, nhánh, lá, hoa, trái sum sê tươi tốt, cành lớn gãy trước. Như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong hàng đại chúng quyến thuộc của Như Lai, Đại Thanh văn vào Niết-bàn trước. Nếu phương kia có Xá-lợi-phất an trú thì ở phương ấy Ta vô sự, nhưng nơi ấy với Ta không phải trống không, vì có Xá-lợi-phất. Như trước đây Ta đã nói. Nay người, này A-nan, như từ trước Ta đã nói, tất cả những thứ ưa thích, hợp ý đều là pháp biệt ly, bởi vậy cho nên A-nan đừng quá buồn rầu. A-nan nên biết, Như Lai chẳng bao lâu cũng sẽ ra đi. Cho nên, A-nan, hãy tự mình làm hòn đảo để tự nương tựa. Hãy lấy pháp làm nơi nương tựa, đừng lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, đừng nương tựa vào chỗ nào khác.”

Tôn giả A-nan bạch Phật:

“Bạch Thế Tôn, thế nào là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình? Thế nào là lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa? Thế nào là không lấy cái khác làm hòn đảo, không nương tựa cái khác?”

Phật đáp:

“Nếu Tỳ-kheo nào sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. A-nan, đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình, tự lấy pháp làm hòn đảo, tự lấy pháp làm chỗ nương tựa, không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác.”

Phật dạy kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ thực hành theo.

**
*

KINH 639. BỐ-TÁT⁷⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong rừng Am-la râm mát, cạnh bờ sông Bạt-

⁷⁴. Pāli: sabbehi piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo aññathābhāvo, với tất cả những gì yêu thương, thích ý, đều là tánh khác biệt, là tánh ly tán, là tánh biến dị.

⁷⁵. Pāli, S.47.14 Ceḷa.

đà-la, nước Ma-thâu-la. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn chưa bao lâu. Hôm ấy là ngày mười lăm bố-tát, Thế Tôn trải chỗ ngồi, ngồi trước đại chúng, nhìn khắp chúng hội rồi nói:

“Ta nhìn đại chúng, thấy đã trống không, vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã vào Niết-bàn. Trong chúng Thanh văn của Ta, chỉ có hai người này khéo thuyết pháp, giáo giới, dạy dỗ, biện thuyết đầy đủ. Có hai thứ tài sản: tiền tài và pháp tài. Tiền tài thì tìm cầu từ người thế gian. Pháp tài thì tìm cầu từ Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Như Lai đã lìa tiền tài⁷⁶ và pháp tài. Các ông chớ vì Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã Niết-bàn mà sầu ưu khổ não.

“Ví như cây lớn, rễ, cành, nhánh, lá, hoa trái, sum sê tươi tốt, thì nhánh lớn sẽ gãy trước. Cũng như núi báu lớn, sườn lớn sụp đổ trước. Cũng vậy, trong đại chúng của Như Lai, hai vị Đại Thanh văn Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vào Niết-bàn trước. Cho nên các Tỳ-kheo, các ông chớ sanh ưu sầu khổ não. Vì có pháp sanh, pháp khởi, pháp tạo tác, pháp hữu vi, pháp bại hoại nào, mà không tiêu mất. Nếu muốn khiến cho chúng không hoại, thì điều này không thể có được. Từ trước Ta đã nói: ‘Tất cả mọi vật đáng yêu thích đều đi đến ly tán.’ Chẳng bao lâu nữa Ta cũng sẽ ra đi. Vì thế cho nên các ông hãy tự làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; hãy lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác.’ Nghĩa là sống an trú chánh niệm quán thân trên thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; cũng vậy, an trú chánh niệm quán ngoại thân, nội ngoại thân; thọ, tâm, pháp trên pháp, cũng nói như vậy. Đó gọi là tự mình làm hòn đảo, tự nương tựa chính mình; tự lấy pháp làm hòn đảo, lấy pháp làm nơi nương tựa; không lấy chỗ nào khác làm hòn đảo, không nương tựa chỗ nào khác.”

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



⁷⁶. Trong bản: thí tài 施財 . Bản Tông-Nguyên-Minh: thế tài 世財 .

TẬP A HÀM QUYỂN 25

KINH 640. PHÁP DIỆT TẬN TƯỚNG¹

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

“Trong đời tương lai, nước Ma-thâu-la² này sẽ có con một thương nhân tên là Quật-đa³. Quật-đa có con tên là Ưu-ba-quật-đa⁴, sau khi Ta diệt độ một trăm năm, sẽ làm Phật sự, là vị tối đệ nhất trong những vị thầy Giáo thọ. Nay A-nan, người có thấy cụm rừng màu xanh ở đằng xa kia không?”

A-nan bạch Phật:

“Thưa vâng, con đã thấy, bạch Thế Tôn!”

“A-nan, nơi đó gọi là núi Ưu-lưu-mạn-trà⁵. Sau khi Như Lai diệt độ một trăm năm, núi này có nơi A-lan-nhã là Na-tra-bạt-trí⁶. Nơi này thích hợp bậc nhất cho sự tịch tịnh vắng lặng.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nghĩ như vậy: ‘Nếu Ta đem giáo pháp phó chúc cho loài Người thì sợ rằng giáo pháp của Ta sẽ không tồn tại lâu dài. Nếu phó chúc cho loài Trời, thì cũng sợ rằng giáo pháp của Ta không tồn tại lâu dài và con người thế gian sẽ không có người nào nhận lãnh giáo pháp. Nay Ta nên đem Chánh pháp phó chúc cho cả Trời, Người. Chư Thiên và Người thế gian cùng nhau nhiếp thọ pháp,

¹. Nguyên Đại Chánh quyển 25, gồm hai kinh, số 640-641, học giả hiện đại đoán định không thuộc Tập A-hàm. Quốc Dịch đưa xuống quyển 50, tiếp theo *A-dục vương nhân duyên* (Xem kinh số 604). Phật Quang đưa vào Phụ lục 2. Về kinh số 640, tham chiếu, Đại 12 N^o383 *Ma-ha Ma-da kinh*. Đại 13, N^o397 *Đại Tập kinh*, “15. Nguyệt tạng phần, phẩm 20. Pháp diệt tận”. Đại 49, N^o2028 *Ca-dĩnh Tỳ-kheo Thuyết Đương Lai Biến kinh*. Đại 49, N^o2029 *Ca-chiên-diên Thuyết Pháp Một Tận Kệ*. Đại 50, N^o2042 *A-dục vương kinh*; Đại 27, N^o1545 *Đại Tỳ-bà-sa quyển* 183, tr. 918a.

². Ma-thâu-la 摩偷羅, xem cht.11, kinh 36.

³. Quật-đa 掘多, xem kinh 604, âm là Cù-đa.

⁴. Ưu-ba-quật-đa 優波掘多, xem cht.32, kinh 604.

⁵. Ưu-lưu-mạn-trà 優留曼茶, xem cht.34 kinh 604.

⁶. Na-tra-bạt-trí 那吒跋置, xem cht.35 kinh 604, âm là Na-trà-bà-đế.

thì giáo pháp của Ta sẽ không bị dao động trong một ngàn năm.

Khi ấy, Thế Tôn đang khởi tâm thế tục. Bấy giờ, Thiên đế Thích và bốn Đại Thiên vương biết tâm niệm của Phật, đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân, ngồi lui qua một bên.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Thiên đế Thích và Tứ thiên vương:

“Như Lai không còn bao lâu sẽ ở nơi Vô dư Niết-bàn mà vào Bát-niết-bàn. Sau khi Ta vào Bát-niết-bàn, các ông nên hộ trì Chánh pháp.”

Rồi Thế Tôn lại bảo Thiên vương phương Đông:

“Ông nên hộ trì Chánh pháp phương Đông.”

Lại bảo Thiên vương phương Bắc, phương Tây, phương Nam:

“Các ông nên hộ trì Chánh pháp ở phương Bắc... Sau một ngàn năm, khi giáo pháp của Ta bị diệt, ở thế gian sẽ xuất hiện phi pháp và mười điều lành ắt sẽ bị hoại. Trong cõi Diêm-phù-đề gió dữ sẽ bạo khởi, mưa không đúng thời, nhân thế phần nhiều đói kém. Mưa thì bị nạn mưa đá; sông rạch khô cạn, hoa quả thì không đậu; con người thì không còn nước da tươi sáng. Trùng thôn, quỷ thôn⁷, tất cả đều bị tiêu diệt. Đồ ăn thức uống không còn mùi vị. Trần bảo chìm mất. Nhân dân ăn uống các loại cỏ thô nhám.

“Bấy giờ có Thích-ca vương, Da-bàn-na vương⁸, Bát-la-bà vương⁹, Đâu-sa-la vương¹⁰, cùng nhiều quyến thuộc. Bát Phật, răng Phật, đánh cốt của Như Lai được an trí ở phương Đông. Phương Tây có vua tên là Bát-la-bà, cùng trăm ngàn quyến thuộc, phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Bắc có vua tên là Da-bàn-na cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Nam có vua tên là Thích-ca, cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Phương Đông có vua tên là Đâu-sa-la cùng trăm ngàn quyến thuộc phá hoại chùa tháp, giết hại Tỳ-kheo. Bốn phương đều

⁷. Quỷ thôn 鬼村, chỉ các loại thảo mộc. Skt.: bhūtagrāma.

⁸. Da-bàn-na 耶槃那. Skt. yavana, nguyên chỉ người Hy-lạp. Về sau, chỉ người Hồi giáo.

⁹. Bát-la-bà 鉢羅婆.

¹⁰. Đâu-sa-la 兜沙羅. Skt. Tukhāra, chỉ người Nhục-chi, ở Tây vực Trung quốc, xâm chiếm Tây bắc bộ Ấn độ.

loạn, các Tỳ-kheo phải tập trung vào nước giữa.

“Lúc ấy, có vua nước Câu-diêm-di tên là Ma-nhân-đà-la-tây-na¹¹, sanh một người con, tay tựa thoa máu, thân như giáp trụ, có sức dũng mãnh. Cùng ngày sanh vương tử này, năm trăm đại thần cũng sanh ra năm trăm người con đều giống như vương tử, tay như thoa máu, thân như giáp trụ.

“Bấy giờ, nước Câu-diêm-di có một ngày mưa máu. Vua Câu-diêm-di thấy hiện tượng ác này thì vô cùng sợ hãi. Vua cho mời thầy tướng hỏi. Thầy tướng tâu vua:

“–Nay vua sanh con, người này sẽ làm vua cõi Diêm-phù-đề, sẽ giết hại nhiều người. Sanh con được bảy ngày đặt tên là Nan Đương. Theo năm tháng dần dần trưởng thành, bấy giờ bốn vua ác ở bốn nơi kéo đến, sát hại nhân dân.

“Vua Ma-nhân-đà-la-tây-na nghe việc này thì sợ hãi.

“Bấy giờ, có vị Thiên thần báo rằng:

“–Đại vương nên lập Nan Đương lên làm vua, thì mới có đủ khả năng hàng phục bốn vua ác kia.”

“Lúc ấy vua Ma-nhân-đà-la-tây-na vâng lời dạy của Thiên thần, liền nhường vương vị cho con, lấy hạt minh châu trong búi tóc, đặt lên đầu con mình. Tập hợp các đại thần, dùng nước thơm rưới lên đỉnh đầu con. Triệu tập những người con sanh cùng ngày của năm trăm đại thần, thân mặc giáp trụ, theo vua ra trận, đã chiến thắng và giết hại tất cả những người của bốn vua ác kia, làm vua cõi Diêm-phù-đề, cai trị nước Câu-diêm-di.”

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tứ đại Thiên vương:

“Tại nước Ba-liên-phát, sẽ có Bà-la-môn tên là A-kỳ-ni-đạt-đa¹², thông đạt kinh luận Tỳ-đà¹³. Bà-la-môn này sẽ cưới vợ, sau đó có chúng sanh trung ấm sẽ đến làm con. Lúc vào thai mẹ, người mẹ rất thích luận nghị cùng người. Bà-la-môn này liền hỏi các ông tướng. Thầy tướng trả lời rằng: ‘Vì chúng sanh ở trong thai này sẽ thông đạt

¹¹. Câu-diêm-di Ma-nhân-đà-la-tây-na 拘睠彌摩因陀羅西那; A-dục vương truyện nói là Đại Quan. Skt. Kosambi Mahenaresena.

¹². A-kỳ-ni-đạt-đa 阿耆尼達多. Skt. Agnidatta.

¹³. Tỳ-đà kinh luận 比陀經論, chỉ các kinh điển thuộc Veda.

tất cả các luận thuyết, cho nên khiến người mẹ sanh ra tâm ưa thích luận nghị với người như vậy.’ Như vậy, khi đủ ngày tháng, ra khỏi thai mẹ, trở thành một đồng tử thông đạt tất cả các thứ kinh luận. Thường dùng kinh luận để truyền dạy cho năm trăm người con Bà-la-môn; ngoài ra còn đem các thứ luận khác truyền dạy cho mọi người; dùng y phương dạy cho người học thuốc, nên có rất nhiều đệ tử như vậy. Vì có rất nhiều đệ tử nên gọi là ‘Đệ Tử’¹⁴. Sau đó cầu xin cha mẹ đi xuất gia học đạo. Cho đến khi cha mẹ đã chấp thuận ông xuất gia, ông liền xuất gia học đạo ở trong pháp của Ta, thông đạt ba tạng, thường khéo thuyết pháp, nói năng biện tài lưu loát, thu phục rất nhiều quyến thuộc.”

Lại nữa, Thế Tôn bảo Tứ đại Thiên vương:

“Trong áp Ba-liên-phát này sẽ có đại thương chủ tên là Tu-đà-na¹⁵, có chúng sanh trung ấm đến nhập thai mẹ. Chúng sanh kia khi vào thai mẹ, khiến cho người mẹ chất trực, nhu hòa, không có tâm niệm tà, các căn trầm lặng. Bảy giờ thương chủ liền hỏi các ông tướng. Thầy tướng trả lời rằng: ‘Vì chúng sanh ở trong thai cực kỳ lương thiện cho nên khiến cho người mẹ như vậy,... cho đến các căn trầm lặng.’ Đến khi đủ ngày tháng, đồng tử ra đời, đặt tên là Tu-la-tha; theo năm tháng trưởng thành. Cho đến một hôm đồng tử bọc bạch cùng cha mẹ, cầu xin xuất gia học đạo, cha mẹ đều đồng lòng. Đồng tử này xuất gia học đạo ở trong pháp của Ta, luôn nỗ lực siêng năng tu tập đạo nghiệp, chứng đắc lậu tận, chứng quả A-la-hán. Song ít học, ít muốn, biết đủ và ít biết. Luôn luôn sống nơi núi rừng, núi có tên là Kiên-đà-ma-la¹⁶.

“Bảy giờ, vị Thánh nhân này thường đến nói pháp cho vua Nan Đương. Phụ vương của vua đã đến ngày bị vô thường mang đi. Nan Đương thấy cha qua đời, hai tay ôm lấy thi thể cha khóc lóc bi thảm, đau buồn thương tâm. Lúc ấy, vị Tam tạng này, dẫn theo nhiều tùy tùng đến chỗ vua, vì vua mà nói pháp. Sau khi vua nghe pháp xong,

¹⁴. Đệ Tử 弟子, A-dục vương truyện gọi là “Đa Đệ Tử”.

¹⁵. Tu-đà-na 須陀那. Skt. Sudhana?

¹⁶. Kiên-đà-ma-la 健陀摩羅. Skt. Gandhamālya? Xem Câu-xá 11 (Đại 29, tr.58a): Hương túy sơn 香粹山. Skt. Gandhamādana.

sâu não với đi, sanh lòng đại tín kính đối trong Phật pháp nên phát lời nguyện rằng: ‘Từ nay trở về sau, ta sẽ cúng dường cho các Tỳ-kheo không e sợ, vừa ý là vui.’ Rồi hỏi Tỳ-kheo:

“–Bốn vị vua bạo ác trước kia, đã hủy hoại Phật pháp bao nhiêu năm?

Các Tỳ-kheo đáp:

“–Trong vòng mười hai năm.

Nhà vua tâm nghĩ miệng nói như sư tử rống:

“–Trong vòng mười hai năm ta sẽ cúng dường năm chúng, cho đến chuẩn bị mọi thứ để bố thí.

“Ngày vua bố thí trời sẽ mưa nước mưa thơm khắp cõi Diêm-phù-đề, tất cả các thứ cây trồng đều được tăng trưởng, dân chúng mọi nơi đều mang đồ cúng dường đến nước Câu-diêm-di để cúng dường Tăng chúng.

“Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được sự cúng dường hậu hĩ. Các Tỳ-kheo ăn đồ của tín thí mà không đọc tụng kinh sách, không tát-xà vì người học kinh¹⁷, hí luận cho hết ngày, nằm ngủ suốt đêm, tham đắm lợi dưỡng, thích trang điểm cho mình, thân mặc quần áo đẹp đẽ, tránh xa pháp lạc xuất yếu, tịch tĩnh, xuất gia cái vui của Tam-bồ-đề. Thân hình thì Tỳ-kheo, mà xa lìa công đức Sa-môn. Đó là kẻ đại tặc trong pháp Phật, kẻ đồng lõa phá hoại ngọn cờ Chánh pháp trong thời Mạt thế, dựng cờ ma ác; dập tắt ngọn đuốc Chánh pháp, đốt lên ngọn lửa phiền não; đập vỡ trống Chánh pháp, hủy hoại bánh xe Chánh pháp, làm khô biển Chánh pháp, làm đổ núi Chánh pháp, phá thành trì Chánh pháp, nhổ cây Chánh pháp, hủy diệt trí tuệ thiên định, cắt đứt chuỗi ngọc giới, làm nhiễm ô Chánh đạo.

“Bấy giờ, các loài Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, sanh lòng ác đối với các Tỳ-kheo, hủy nhục, mắng nhiếc, chán ghét xa lìa, không thân cận các Tỳ-kheo nữa. Mọi loài cùng thốt lên lời than: ‘Than ôi! Ác Tỳ-kheo như vậy thì không nên ở trong pháp của Như Lai.’ rồi nói kệ:

¹⁷. Hán: bất tát-xà vị nhân thọ kinh 不薩闍為人受經, Đại-tỳ-bà-sa 183: bất lộc độc xứ tĩnh lự tư duy 不麓獨處靜慮思惟, không thích một mình ở chỗ vắng vẻ tu thiền.

Làm hạnh ác, không tốt,
 Làm các pháp tà kiến;
 Những người ngu si này,
 Làm đổ núi Chánh pháp.
 Hành các giới pháp ác,
 Bỏ các hạnh như pháp;
 Xả các pháp thắng diệu,
 Bỏ pháp Phật hiện tại.
 Bất tín, không tự chế,
 Thích làm các hạnh ác;
 Hư ngụy lừa thế gian,
 Đả phá pháp Mâu-ni.
 Hủy hình tập việc ác,
 Hung bạo và làm càn;
 Dùng pháp lừa mọi người;
 Sân hận, tự cao ngạo;
 Tham đắm cầu lợi danh;
 Không ác nào không làm.
 Như pháp Phật đã dạy,
 Dấu hiệu pháp tiêu mất,
 Người nay ắt đã thấy,
 Bị người trí khinh miệt.
 Hiện tượng này đã hiện,
 Biển Chánh pháp Mâu-ni
 Không bao lâu, khô cạn,
 Nay Chánh pháp ít thấy;
 Kẻ ác còn đến diệt,
 Hủy hoại Chánh pháp ta.

“Bấy giờ, các loài Trời, Rồng, Thần đều lấy làm buồn, không còn ủng hộ các Tỳ-kheo nữa và cùng tuyên bố: ‘Pháp Phật sau bảy ngày nữa sẽ bị diệt tận.’ Họ cùng nhau thương khóc kêu gào và bảo nhau: ‘Đến ngày Tỳ-kheo thuyết giới họ cùng nhau đấu tranh, Chánh pháp Như Lai vì vậy mà bị tiêu diệt.’ Chư Thiên khóc lóc bị thương như vậy.

“Trong lúc đó, tại thành Câu-diêm-di có năm trăm Ưu-bà-tắc

nghe chư Thiên nói những lời như vậy, cùng nhau đến giữa các Tỳ-kheo, ngăn cản các Tỳ-kheo đấu tranh và nói kệ rằng:

*Than ôi! Năm kịch khổ,
Thương xót quần sanh sanh.
Nay pháp Phật sắp diệt,
Pháp vua Thích sư tử.
Ác luân hoại Pháp luân,
Như vậy, có kim cương;
Mới có thể không hoại.
Thời an ổn không còn;
Pháp nguy hiểm đã sanh;
Người minh trí đã qua;
Nay thấy tướng như vậy,
Nên biết không còn lâu.
Pháp Mâu-ni đoạn diệt,
Thế gian không sáng nữa.
Lời ly cấu, tịch diệt,
Mặt trời Mâu-ni lặn.
Người đời mất kho báu,
Thiện ác không khác nhau.
Thiện ác đã không phân,
Ai sẽ được Chánh giác?
Đèn pháp còn tại thế,
Kịp thời làm việc lành;
Vào ruộng phước vô lượng;
Pháp này ắt sẽ diệt.
Cho nên lũ chúng ta,
Biết của không bền chắc;
Kịp thời giữ lấy lời.*

“Đến ngày mười lăm. lúc thuyết giới, Chánh pháp sẽ tiêu mất. Cũng trong ngày này, năm trăm Ưu-bà-tắc, tạo ra năm trăm tháp Phật trong cùng ngày. Lúc bấy giờ, các Ưu-bà-tắc bận công việc khác nên không tới lui trong chúng Tăng. Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha¹⁸ đang ở

¹⁸. Đại Chánh: Tu-la-tha 修羅他; Bản Minh: Tu-la-đà 修羅陀.

tại núi Kiên-đà-ma-la, ngài quán sát nơi nào trong ngày hôm nay ở cõi Diêm-phù-đề, có chúng Tăng thuyết giới. Ngài thấy có nước Câu-diệm-di đệ tử của Như Lai thuyết giới làm bố-tát; ngài liền đến Câu-diệm-di. Chúng Tăng nước này bấy giờ có đến trăm ngàn người; trong đó chỉ có một vị A-la-hán tên là Tu-la-tha. Lại có một vị Tam tạng tên là Đệ Tử. Đây là cuộc nhóm họp đại chúng cuối cùng của Như Lai. Bấy giờ, vị Duy-na hành thẻ sa-la¹⁹, bạch Thượng tọa Tam tạng rằng:

“–Chúng Tăng đã họp, gồm trăm ngàn vị. Nay xin vì thuyết Ba-ia-đề-mộc-xoa.

“Lúc ấy vị Thượng tọa trả lời rằng:

“–Đệ tử của Như Lai ở cõi Diêm-phù-đề đều tập họp nơi đây, gồm có trăm ngàn trong chúng này như vậy. Ta là Thượng tọa, đã thông đạt Tam tạng vẫn còn không học Giới luật, hướng chi là những người khác mà có sở học! Nay sẽ thuyết Giới luật cho ai? Rồi nói kệ rằng:

*Nay là ngày mười lăm,
Đêm vắng lặng, trăng tỏ;
Như vậy các Tỳ-kheo,
Nay họp nghe thuyết giới.
Tất cả chúng Tăng nhóm,
Diêm-phù-đề lần cuối.
Ta Thượng thủ trong chúng,
Không học pháp Giới luật.
Hướng chi Tăng chúng khác,
Mà có chỗ học tập?
Sao giỏi pháp Mâu-ni,
Thích-ca sư tử vương?
Người nào có trì giới,
Người ấy mới nói được.*

“Bấy giờ, A-la-hán Tu-la-tha đứng trước Thượng tọa, chấp tay thưa Thượng tọa rằng:

¹⁹. Hành sa-la trừ 行沙羅籌, phát thẻ tre và đếm, một hình thức kiểm danh hay lấy biểu quyết tập thể giữa Tăng. Skt. śalākā.

“–Thượng tọa, chỉ nói Ba-la-đề-mộc-xoa, như Đức Phật khi còn tại thế. Những pháp sở học của Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên cùng chúng Đại Tỳ-kheo, nay tôi cũng đã học hết. Như Lai tuy đã diệt độ đến nay đã ngàn năm, những Luật nghi mà Ngài đã chế lập, tôi cũng đã được đầy đủ.

Rồi nói kệ rằng:

*Thượng tọa nghe tôi nói,
 Tôi tên Tu-la-tha;
 A-la-hán hết lậu,
 Sư tử rống trong chúng.
 Đệ tử thật Mâu-ni,
 Các quý thân tin Phật
 Nghe lời bậc Thánh dạy,
 Buồn thương khóc rơi lệ.
 Cúi đầu nghĩ pháp diệt,
 Từ nay trở về sau,
 Không có người nói pháp.
 Tỳ-ni Biệt giải thoát.
 Không còn tại thế gian.
 Cầu pháp nay đã sập;
 Nước pháp không còn chảy;
 Biển pháp đã khô cạn;
 Núi pháp đã sụp đổ.
 Pháp hội tuyệt từ nay;
 Cờ pháp không thấy nữa.
 Chân pháp không đi lại.
 Giới luật nghi mất luôn;
 Đèn pháp không còn chiếu;
 Bánh xe pháp không chuyển.
 Cửa cam lộ bí kín.
 Pháp sư không ở đời,
 Người thiện nói diệu đạo;
 Chúng sanh không biết thiện,
 Không khác nào dã thú.*

“Bấy giờ, Phật mẫu Ma-ha Ma-da Phu nhân từ trên Trời xuống, đến chỗ chúng Tăng kêu gào khóc lóc: ‘Than ôi, khổ thay! Đó là con của ta, đã từng trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu các hạnh khổ, không màng gì đến việc lao thân khổ trí, tích đức thành Phật, mà hôm nay bỗng nhiên bị tiêu diệt!’, rồi nói kệ:

*Tôi là thân mẫu Phật.
Con tôi từng khổ hạnh,
Trải qua vô số kiếp,
Cứu cánh thành Chánh đạo.
Khóc thương không kiềm được,
Nay pháp bỗng bị diệt.
Than ôi! Bạc Trí tuệ,
Hiện tại Ngài ở đâu,
Trì pháp bỏ tranh tụng?
Sanh ra từ miệng Phật;
Tối thượng trên các vua,
Đệ tử Phật chân thật.
Tu hạnh diệu Đâu-đà,
Đêm nghỉ nơi rừng sâu;
Thật sự con Phật vậy,
Hiện nay đang ở đâu?
Hiện tại ở thế gian,
Oai đức không hiện hữu.
Giữa núi rừng hoang vắng,
Các Thần đều im lặng.
Thí, giới, thương quần sanh,
Tin giới tự trang nghiêm;
Hạnh ngay thẳng, nhẫn nhục,
Quán sát pháp thiện ác:
Các thắng pháp như vậy,
Hiện nay bỗng biến mất!*

“Bấy giờ, vị đệ tử của Thượng tọa kia nghĩ như vậy:

“-Tỳ-kheo Tu-la-tha tự nói: ‘Giới luật mà Đức Như Lai đã chế lập, ta giữ gìn đầy đủ.’”

Lúc ấy, vị Thượng tọa này có người đệ tử tên là An-già-đà khởi lên tâm không nhẫn, phẫn hận cực độ, từ chỗ ngồi đứng dậy mạ nhục vị Thánh kia: ‘Ông là một Tỳ-kheo hạ tọa, ngu si, không trí mà dám hủy nhục Hòa thượng của tôi.’ Liền cầm dao bén giết vị Thánh kia. Rồi nói bài kệ:

*Ta là An-già-đà,
Đệ tử của Thất-sa;
Dùng kiếm bén giết người,
Tự bảo ‘Ta có đức’.*

“Lúc này, có một con quỷ tên là Đại Đề-mộc-khư suy nghĩ rằng: ‘Thế gian chỉ có một vị A-la-hán này, mà bị tên đệ tử Tỳ-kheo ác giết hại.’ Liền dùng chày Kim cương bén, đầu chày lửa cháy rực, đánh vỡ đầu người này chết tại chỗ. Rồi nói bài kệ:

*Ta là thân quỷ ác,
Tên Đại Đề-mộc-khư;
Dùng chày Kim cương này,
Chẻ đầu người làm bảy.*

Bấy giờ, đệ tử của vị A-la-hán, thấy người đệ tử Thượng tọa kia sát hại thầy mình, không kiềm được cơn tức giận nên giết vị Tam tạng. Lúc này, chư Thiên và loài Người đều bi thương kêu khóc: ‘Than ôi, khổ thay! Chánh pháp Như Lai hiện tại không còn nữa.’ Chợt cõi đất chấn rung động sáu cách, vô lượng chúng sanh sầu não cực độ, kêu gào khóc lóc: ‘Than ôi! Ngày nay Chánh pháp không còn hiện hữu ở đời.’ Than xong những lời này rồi mọi người giải tán.

“Bấy giờ, năm trăm Ưu-bà-tắc nước Câu-diêm-di nghe những lời này xong, đi vào chùa, đưa tay vỗ đầu, khóc lớn cao tiếng: ‘Than ôi! Như Lai thương xót thế gian, cứu giúp quần sanh không kể loài to lớn hay vi tế. Ai có thể vì chúng con mà nói nghĩa pháp? Từ nay Trời, Người không thể nào giải thoát được nữa. Chúng sanh ngày nay vẫn còn ở trong bóng tối, không có người dẫn đường; luôn luôn huân tập các thói ác và lấy đây làm vui thích như các loài dã thú mà không chịu nghe diệu pháp của Mâu-ni, để rồi khi thân hoại mạng chung đọa vào ba đường giống như sao rụng. Từ nay về sau người đời không còn nhớ đến trí tuệ tam-muội tịch tĩnh, pháp vi diệu thập lực.’

“Bấy giờ, vua Câu-diêm-di nghe các Tỳ-kheo giết hại chân nhân A-la-hán và Pháp sư Tam tạng, sanh lòng buồn thương, hỡi hừng than thở ngồi im. Lúc ấy, bọn tà kiến tranh nhau đánh phá tháp miếu và hãm hại Tỳ-kheo, từ đó pháp Phật tan tác chóng tàn.”

Bấy giờ, Đức Thế Tôn, bảo Thích Đề-hoàn Nhân, bốn Đại Thiên vương, chư Thiên và Người đời:

“Sau khi Ta diệt độ, dấu hiệu diệt tận của pháp như trên đã nói. Cho nên, hiện tại các ông không thể không nỗ lực tinh tấn hộ trì Chánh pháp, để còn mãi tại thế gian.”

Lúc ấy chư Thiên và loài Người, sau khi nghe những gì Đức Phật đã dạy, mọi người đều tỏ ra thương cảm, dùng tay lau nước mắt, đánh lễ dưới chân Phật, rồi mọi người tự rút lui.

**
*

KINH 641. A-DỤC VƯƠNG THÍ BÁN A-MA-LẶC QUẢ NHÂN DUYÊN KINH²⁰

Vua A-dục, đối với Pháp của Như Lai đạt được niềm tin kính sâu xa. Một hôm, vua hỏi các Tỳ-kheo:

“Đối trong pháp của Như Lai, ai là người thực hành bố thí nhất?”

Các Tỳ-kheo trả lời vua rằng:

“Trưởng giả Cấp Cô Độc, là người thực hành đại bố thí nhất.”

Vua lại hỏi:

“Ông bố thí bao nhiêu vật báu?”

Tỳ-kheo đáp:

“Có đến ức ngàn vàng.”

Vua nghe vậy, suy nghĩ như vậy: ‘Gia chủ kia còn có thể bỏ ra ức ngàn vàng. Nay ta là vua, vì lý do gì cũng lại bỏ ức ngàn vàng ra bố thí? Nên bỏ ra ức trăm ngàn vàng bố thí.’

Bấy giờ, vua cho khởi công xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Phật và trong mỗi tháp này lại bỏ ra ngàn trăm vàng để cúng. Lại cứ năm năm tổ chức đại hội một lần. Mỗi hội có ba trăm ngàn vị Tỳ-kheo.

²⁰. Kinh nói về nhân duyên vua A-dục bố thí nửa trái A-ma-lặc (quả xoài). Xem cht.1 kinh 640. Tham chiếu kinh số 604 (Đại Chánh, quyển 23).

Dùng ba trăm ức vàng cúng dường vào trong chúng Tăng đó. Phần thứ nhất là A-la-hán. Phần thứ hai là những vị hữu học. Phần thứ ba là những phàm phu chân thật. Trừ kho tàng riêng ra, vật gì ở Diêm-phù-đề này; gồm phu nhân, thể nữ, thái tử, đại thần, đều có thể đem cúng dường cho Thánh tăng, rồi dùng bốn mươi ức tiền vàng chuộc chúng trở lại. Như vậy mà tính toán cho đến dùng hết chín mươi sáu ức ngàn tiền vàng.

Cho đến một hôm, vua bị bệnh nặng. Vua tự biết thân mạng mình sắp kết thúc. Lúc ấy có đại thần tên là La-đà-quật-đa²¹, kiếp trước là đứa trẻ đồng bạn với vua, khi vua cúng dường năm đất cho Phật. Bấy giờ, đại thần La-đà-quật-đa thấy vua đang bị bệnh nặng mạng sắp lâm chung, cúi đầu hỏi vua bằng kệ:

*Dung mạo luôn tươi tốt,
Trăm ngàn nữ vây quanh;
Giống như những đóa sen,
Ong mật tụ tập lại.
Nay nhìn dung nhan vua,
Không còn tươi thắm nữa.*

Vua liền dùng kệ đáp:

*Nay ta không còn lo
Mất tiền tài, vương vị.
Thân này cùng người thân,
Và các thứ châu báu.
Nay ta chỉ có buồn
Không còn thấy Hiền thánh
Để cúng dường tứ sự.
Nay ta chỉ nghĩ thế,
Nên nhan sắc biến đổi,
Tâm ý lại không an.*

“Lại nữa, sở nguyện của ta là muốn dùng hết ức trăm ngàn tiền vàng để làm công đức. Nhưng nay nguyện chưa thành, phải để lại đời sau. Nếu đem cả vàng bạc trân báu đã đem ra cúng dường mà tính góp

²¹. La-đà-quật-đa 羅陀崛多. Skt. Rādhagupta.

lại trước sau, thì chỉ thiếu có bốn ước là chưa đủ.”

Vua liền chuẩn bị các thứ trân bảo gửi cúng vào chùa Kê tước²² Con của Pháp Ích tên là Tam-ba-đề²³ được lập lên làm thái tử.

Các đại thần thưa thái tử rằng:

“Chẳng còn bao lâu, Đại vương sẽ qua đời. Nay đem các thứ trân báu này gửi cúng vào chùa, trong khi cửa cải vật báu trong kho đã hết sạch. Theo pháp của các vua thì lấy vật làm trọng. Vậy nay thái tử nên xét lại việc này, không nên để Đại vương dùng hết.”

Bấy giờ, thái tử ra lệnh cho người giữ kho, không được xuất vật báu ra cho Đại vương dùng nữa. Lúc này nhà vua tự biết là những vật mà mình đòi hỏi sẽ không được nữa, nên đem đồ đựng thức ăn bằng vàng cúng vào cho chùa. Thái tử ra lệnh không cung cấp đồ đựng bằng vàng, mà cung cấp đồ bằng bạc. Sau khi vua ăn xong lại gửi cúng vào cho chùa. Lại không cung cấp đồ đựng bằng bạc, mà cung cấp đồ bằng đồng. Vua cũng đem đồ này gửi cúng vào cho chùa. Lại không cung cấp đồ đồng, mà cung cấp đồ gốm. Lúc này trong tay nhà vua chỉ có nửa trái a-ma-lặc²⁴, lòng buồn thương rơi lệ, vua bảo các đại thần:

“Hiện nay, ai là chủ đất này?”

Bấy giờ, các đại thần bạch Đại vương:

“Vua là chủ đất này.”

Nhà vua liền dùng kệ đáp:

*Các người hộ tâm ta,
Tại sao lại nói dối?
Ta đang ở vương vị,
Lại không được tự tại!
Nửa trái A-ma-lặc,
Đang ở trong tay ta;
Nó là vật của ta,
Ở đây được tự do.
Phú quý đáng chán bỏ,
Than ôi! Lại tôn trọng!*

²². Kê tước tự 雞雀寺. Skt. Kurkuṭārāma.

²³. Tam-ba-đề 三波提. Skt. Sampadī, cháu nội của vua A-dục.

²⁴. A-ma-lặc 阿摩勒. Skt. āmalaka, quả xoài.

*Xưa cai trị Diêm-phù,
 Nay bổng dưng nghèo hèn.
 Như sông Hằng cuộn trôi,
 Một đi không trở lại;
 Phú quý cũng như vậy,
 Qua rồi không trở lại.*

Vua lập lại bài kệ như Phật đã dạy:

*Phàm thịnh ắt có suy,
 Vì suy là cứu cánh.
 Nên Như Lai nói vậy,
 Chân thật không sai khác.
 Những lời dạy trước đây,
 Nay tức thì thông suốt.
 Nay có điều cầu cạnh,
 Lại không vâng lời ta.
 Như gió bị núi ngăn,
 Như nước bị bờ cản;
 Nay giáo lệnh của ta,
 Từ đây tuyệt vĩnh viễn.
 Theo sau, vô lượng chúng,
 Đánh trống thổi loa ốc;
 Thường chơi các kỹ nhạc,
 Thụ hưởng vui năm dục.
 Thế nữ hàng trăm người,
 Ngày đêm ta khoái lạc;
 Hôm nay đều không còn,
 Như cây không hoa trái.
 Tướng mạo dân khô kiệt,
 Sắc lực cũng như vậy;
 Như hoa dần héo tàn,
 Nay ta cũng như vậy.*

Bấy giờ, vua A-dục bảo người hầu rằng:

“Nay người, nếu còn nhớ ân nuôi dưỡng của ta, thì người hãy đem nửa trái A-ma-lặc này gửi cúng vào cho chùa Kê tước, thay ta lễ

bái sát chân các Tỳ-kheo Tăng, thưa rằng: ‘Vua A-dục hỏi thăm các vị đại Thánh, tôi là A-dục vương, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này; tất cả mọi sở hữu của tôi ở cõi Diêm-phù-đề, ngày nay bỗng dưng mất hết, không còn của quý nào để cúng dường cho chúng Tăng nữa. Đối với tất cả mọi thứ của cải, tôi không còn được tự tại, nay chỉ có nửa trái A-ma-lặc này là tôi được tự do. Đây là lần cuối cùng bố thí ba-la-mật, xin thương xót tôi mà thu nhận sự cúng dường này, khiến tôi được phước khi cúng dường chúng Tăng.’”

Rồi nói kệ rằng:

*Nửa trái A-ma-lặc,
 Đây, sở hữu của ta;
 Được tự tại đối ta,
 Nay cúng dường đại chúng.
 Tâm hướng về Thánh chúng,
 Không ai khác giúp ta.
 Xin thương xót cho ta,
 Nhận lấy A-ma-lặc.
 Vì ta ăn quả này,
 Nhờ phước vô lượng này;
 Đời đời được diệu lạc,
 Dụng không bao giờ hết.*

Bấy giờ, người sứ giả kia, nhận lệnh của vua rồi, liền đem nửa trái A-ma-lặc đi vào chùa Kê tước, đến trước Thượng tọa, năm vóc gieo xuống đất làm lễ, quỳ gối chấp tay hướng lên Thượng tọa mà nói kệ rằng:

*Người thống lãnh Diêm-phù,
 Một lọng, một tiếng trống;
 Đi đạo không chướng ngại,
 Như trời chiếu thế gian.
 Báo nghiệp hành đã đến,
 Ở đời chẳng còn lâu;
 Vua không còn uy đức,
 Như mây che mặt trời.
 Vua hiệu là A-dục,*

*Cúi đầu lễ chân Tăng;
Gởi cúng dường vật này,
Nửa trái A-ma-lặc.
Nguyện cầu phước đời sau,
Xin vì vua, thương xót;
Thánh chúng vì thương vua,
Nhận nửa trái cúng dường.*

Bấy giờ, vị Thượng tọa kia bảo Đại chúng:

“Ai nghe những lời này mà không nhàm chán thế gian? Chúng ta nghe việc này, không thể không sanh nhàm chán, xa lìa. Như kinh Phật đã dạy: ‘Thấy sự suy giảm của người, nên sanh ra nhàm chán, xa lìa.’ Nếu chúng sanh hiểu biết khi nghe việc này há không thể từ bỏ thế gian được sao?” Rồi nói kệ rằng:

*Người trong đời, vua nhất,
A-dục dòng Khổng Tước;
Tự tại Diêm-phù-đề,
Làm chủ A-ma-lặc.
Thái tử cùng các thân,
Đoạt vật vua bố thí;
Gởi nửa A-ma-lặc,
Hàng phục người tiếc của.
Khiến họ sanh tâm chán,
Người ngu không biết thí;
Được diệu lạc nhân quả,
Chỉ cúng nửa Ma-lặc.*

Lúc ấy vị Thượng tọa nghĩ như vậy: ‘Làm thế nào để đem nửa trái A-ma-lặc này chia đều cho khắp tất cả chúng Tăng được?’ Sau đó bảo đem nghiền nát, bỏ vào trong nồi nấu lên, làm vậy xong tất cả chúng Tăng đều được chia đủ cả.

Bấy giờ, vua lại hỏi vị đại thần bên cạnh rằng:

“Ai là vua cõi Diêm-phù-đề?”

Đại thần thưa vua rằng:

“Chính Đại vương.”

Lúc ấy vua đang nằm ngồi dậy, quay nhìn bốn phía, chấp tay làm

lễ cảm niệm ân đức chư Phật, lòng nghĩ miệng nói: ‘Nay ta đem cỏi Diêm-phù-đề này cúng dường cho Tam bảo, tùy ý sử dụng.’ Rồi nói kệ rằng:

*Nay, Diêm-phù-đề này,
Nhiều trân bảo trang sức;
Cúng cho ruộng phước lành,
Tự nhiên được quả báo.
Đem công đức bố thí này,
Chẳng cầu Thiên đế Thích;
Phạm vương cùng nhân chủ,
Các diệu lạc thế giới.
Những quả báo như vậy,
Tôi đều không thụ dụng;
Nhờ công đức thí này,
Mà mau thành Phật đạo.
Nơi tôn ngưỡng cho đời,
Thành được Nhất thiết trí;
Làm bạn lành thế gian,
Là Đạo sư bậc nhất.*

Bấy giờ, nhà vua đem những lời này viết lên trên giấy rồi phong kín lại, dùng răng cắn vào làm dấu ấn. Sau khi làm xong việc này, nhà vua qua đời.

Bấy giờ, thái tử cùng các quần thần, cung nhân thế nữ, nhân dân trong nước dâng các thứ cúng dường, tống táng theo nghi thức của quốc vương, mà làm lễ trà tỳ.

Lúc này, các đại thần muốn lập thái tử lên nối ngôi vị vua, nhưng trong triều có một đại thần tên là A-nậu-lâu-đà, nói với các quần thần rằng:

“Không được lập thái tử lên làm vua. Vì sao? Vì Đại vương A-dục lúc còn sanh tiền, vốn có nguyện đem mười vạn ức tiền vàng, làm công đức, nhưng còn thiếu bốn ức nữa, chưa đủ mười vạn. Vì muốn cho đủ số, nên nay cỏi Diêm-phù-đề này đã được xả cúng cho Tam bảo. Nay đại địa này thuộc về Tam bảo, làm sao mà lập làm vua được?”

Sau khi các đại thần nghe vậy, liền đem bốn ức tiền vàng cúng

vào cho chùa, sau đó liền lập con của Pháp Ích lên làm vua tên là Tam-ba-đề. Kế đến nối tiếp vương vị là thái tử Tỳ-lê-ha-ba-đê²⁵; nối tiếp vương vị Tỳ-lê-ha-ba-đê là thái tử Tỳ-lê-ha-tây-na²⁶; nối tiếp vương vị Tỳ-lê-ha-tây-na là thái tử Phất-sa-tu-ma²⁷; nối tiếp vương vị Phất-sa-tu-ma là thái tử Phất-sa-mật-đa-la²⁸. Bấy giờ Phất-sa-mật-đa-la hỏi các vị đại thần rằng:

“Ta phải làm những việc gì để khiến cho danh đức của ta tồn tại mãi ở thế gian?”

Lúc ấy, những vị hiền thần tin ưa Tam bảo thưa vua rằng:

“Đại vương A-dục là Quốc vương đầu tiên của dòng họ. Khi còn sống, vua cho xây dựng tám vạn bốn ngàn tháp Như Lai và phát tâm cúng dường đủ thứ, chính danh đức này lưu truyền mãi đến hôm nay. Nếu nhà vua muốn cầu danh đức này thì cũng phải cho tạo lập tám vạn bốn ngàn tháp và các thứ cúng dường.”

Nhà vua nói:

“Vi Đại vương A-dục có oai đức lớn nên có khả năng thực hiện được những việc làm này, ta thì không thể nào làm được, hãy nghĩ đến việc khác đi.”

Trong đó, có vị nịnh thần gian ác, không có lòng tin, tâu vua:

“Thế gian có hai loại pháp lưu truyền mãi ở đời không dứt: Một là làm lành, hai là làm ác. Đại vương A-dục đã làm các hạnh lành, thì nay vua nên làm các hạnh ác như phá hoại tám vạn bốn ngàn tháp.”

Lúc này vua nghe theo lời vị nịnh thần, lập tức cho khởi bốn binh chúng đi đến các chùa chiến phá hoại các tháp thờ. Trước hết vua đi vào chùa Kê tước, liền bị con sư tử đá trước cổng chùa rống lên, làm cho vua vô cùng kinh hoàng sợ hãi khi nghe nó và tự nghĩ: ‘Không phải là loài thú thật, mà có thể rống lên được sao?’ Vua trở về trong thành. Ba lần như vậy, nhà vua muốn phá hoại chùa này.

Bấy giờ, vua cho gọi các Tỳ-kheo lại và hỏi các Tỳ-kheo:

²⁵. Tỳ-lê-ha-ba-đê 毘梨訶波低. Skt. Bṛhaspati.

²⁶. Tỳ-lê-ha-tây-na 毘梨訶西那. Skt. Vṛhasena.

²⁷. Phất-sa-tu-ma 沸沙須摩. Skt. Puṣyadharmā.

²⁸. Phất-sa-mật-đa-la 沸沙密多羅. Skt. Puṣyamitra.

“Ta phá hoại tháp là thiện hay là pháp hoại Tăng phòng là thiện?”

Tỳ-kheo đáp:

“Không nên làm cả hai. Nếu vua muốn phá hoại chúng, thì thà phá hoại Tăng phòng, chớ nên phá hoại tháp Phật.”

Lúc ấy vua sát hại các Tỳ-kheo, cùng phá hoại các tháp thờ và như vậy dần dần cho đến nước Bà-già-la. Lại ra sắc lệnh: ‘Nếu có người nào mang được đầu Sa-môn Thích tử đến, sẽ được thưởng ngàn tiền vàng.’

Bấy giờ, trong nước này có một vị A-la-hán hóa ra rất nhiều đầu Tỳ-kheo cho mọi người mang đến chỗ vua, làm cho cửa báu trong kho tàng nhà vua đều cạn hết. Khi nhà vua nghe vị A-la-hán đã làm những việc như vậy, thì càng nổi giận hơn, muốn giết vị A-la-hán này. Lúc này, vị A-la-hán vào định Diệt tận nên nhà vua dùng vô lượng cách để sát hại vị Thánh nhân này, rốt cuộc cũng không thể được. Vì ngài vào định Diệt tận nên không thể làm tổn thương thân thể ngài được và như vậy vua tiến dần đến cửa tháp Phật. Ở trong tháp này có một vị quý thần đang ở để bảo vệ tháp Phật tên là Nha Xỉ²⁹. Vị quý thần này nghĩ rằng mình là đệ tử của Phật, vì thọ trì giới cấm không sát hại chúng sanh, nên nay mình không thể giết hại nhà vua được. Lại nghĩ: ‘Có một vị thần tên là Trùng³⁰, mạnh mẽ hung bạo, thường làm các việc ác, cầu kết hôn con gái ta, ta không chịu. Nay vì để bảo vệ Chánh pháp nên phải gả cho nó, khiến nó bảo hộ pháp Phật.’ Liền kêu vị thần kia bảo rằng:

“Nay ta gả con gái cho ngươi, song cùng lập giao ước là ngươi phải hàng phục vị vua này, chớ để ông ta tạo ra các việc ác, hoại diệt Chánh pháp.”

Lúc này chỗ vua lại có một vị đại quý thần tên là Ô-trà, vì oai đức đầy đủ nên vị thần kia không thể làm gì vua được. Lúc này thần Nha Xỉ muốn tìm cách hủy diệt sức mạnh tự nhiên hiện tại của vua do vị thần này mang lại. Nay ta nên giả làm thân với hắn và như vậy cùng làm bạn tri thức với vị thần kia. Sau khi kết bạn tri thức thân nhau rồi, liền dẫn vị thần này đến giữa biển lớn phương Nam. Lúc đó

²⁹. Nha Xỉ 牙齒. Skt. Daṃṣṭrānivāsi-yakṣa.

³⁰. Trùng 蟲. Skt. Kṛmiśa.

thần Trùng mới sang dẹp núi lớn, xua đuổi bức bách từ trên vua cho đến bốn binh chúng không ai là không chết hết. Dân chúng đều reo hò: ‘Sướng thay, sướng thay!’ và người đời cùng truyền nhau từ ‘sướng thay’ này.

Nhà vua này mất rồi, dòng dõi Khổng tước vĩnh viễn cáo chung từ đây. Cho nên sự giàu sang, sung sướng ở thế gian không đáng để tham. Đại vương A-dục là người có trí, giác ngộ cuộc đời là vô thường, thân mạng khó mà bảo tồn, cửa cải của năm nhà cũng như huyễn hóa. Khi đã giác ngộ được điều này rồi, thì phải nỗ lực tinh tấn tạo các thứ công đức, cho đến lúc mạng chung tâm luôn nhớ đến Tam bảo, niệm niệm không gián đoạn, không có gì phải luyến tiếc, chỉ có nguyện thành tựu rốt ráo Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác thôi.



TẬP A HÀM QUYỂN 26

KINH 642. TRI¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba căn: Căn vị tri đương tri, căn tri, căn vô tri². Rồi Thế Tôn nói kệ rằng:

*Khi hiểu biết học địa,
Tùy thuận tiến thẳng đường;
Cần phương tiện siêng năng,
Khéo tự hộ tâm mình.
Tự biết hết tái sanh,
Đạo vô ngại đã biết;
Đã biết giải thoát rồi,
Cuối cùng được vô tri.
Bất động ý giải thoát³,
Tất cả hữu đều dứt;
Các căn đầy đủ cả,
Vui nơi căn vắng lặng.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục các ma oán.*

-
1. *Ấn Thuận Hội Biên*, Tụng 4. Đạo phẩm, “10. Tương ứng Căn,” gồm hai mươi bảy kinh, từ số 815-840, (gồm mười chín kinh, Đại Chánh: 642-660) tức Tương ứng thứ 4 trong “Tụng 4. Đạo phẩm”. *Quốc Dịch*, để lên Tương ứng thứ 2. Bản Đại Chánh, quyển 24, Tương ứng 1; *Đại Chánh*, quyển 26, từ số 642. *Quốc Dịch*, quyển 23, Tương ứng Căn, từ kinh số 1230. *Phật Quang*, quyển 26, kinh số 654-724. Pāli, S.48.23 Nāya. Cf. A.3.84 Sekka.
 2. Vị tri đương tri căn, tri căn, vô tri căn 未知當知根, 知根, 無知根. *Vô tri căn*, Câu-xá: cụ tri căn. Xem Câu-xá 2, phẩm 2 “Phân biệt căn”. Pāli: tiṇ'indriyāni: anaññātāññassāmītindriyaṃ, aññindriyaṃ, aññātāvindriyaṃ, Căn chưa biết sẽ biết, căn đã biết, căn đã biết trọn vẹn.
 3. Bất động ý giải thoát 不動意解脫, tức bất động tâm giải thoát. Pāli: akuppā cetvimutti.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 643. TỊNH⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn. Những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 644. TU-ĐÀ-HOÀN⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Nếu Tỳ-kheo nào khéo quán sát như thật đối với năm căn này, người ấy đối với ba kết mà đoạn biến tri⁶; đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại Trời, Người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁴. Pāli, S.48.1 Siddhika.

⁵. Pāli, S.48.2-3 Sotapanna.

⁶. Đoạn tri 斷知, tức đoạn biến tri, đoạn trừ với nhận thức toàn diện; xem *Câu-xá* 21 (tr.11218). Pāli: pahāṇa-pariññā.

KINH 645. A-LA-HÁN⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Đối với năm Căn này, người nào quán sát như thật, không khởi lên các lậu, tâm sẽ chứng đắc ly dục giải thoát⁸. Đó gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình⁹, hết các hữu kết, bằng chánh trí mà tâm khéo giải thoát.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 646. ĐƯƠNG TRI¹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Căn Tín, nên biết, đó là bốn Bất hoại tịnh. Căn Tinh tấn, nên biết, đó là bốn Chánh đoạn. Căn Niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn Định, nên biết, đó là bốn Thiền. Căn Tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁷. Pāli, S.48.4-5 Arahaṃ.

⁸. Ly dục giải thoát; bản Pāli: anupādvīvimutto, giải thoát không còn chấp thủ.

⁹. Đãi đắc kỷ lợi 逮得己利, đã đạt được mục đích của mình.

¹⁰. Pāli, S.48.8 Daṭṭhabbaṃ.

KINH 647. PHÂN BIỆT¹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

“Sao gọi là căn Tín? Tỳ-kheo khởi tín tâm thanh tịnh, căn bản bền chắc đối với Như Lai mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng thế gian khác không thể làm cản trở, phá hoại tâm ấy, thì đó gọi là căn Tín.

“Sao gọi là căn Tinh tấn? Pháp ác bất thiện đã sanh, khiến cho đoạn mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp ác bất thiện chưa sanh, khiến không sanh, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp thiện chưa sanh, khiến cho sanh, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Pháp thiện đã sanh, khiến cho an trú không mất, khiến không sanh, tu tập tăng rộng, mà phát khởi ý dục, nỗ lực phương tiện, nhiếp tâm, sách tiến. Đó gọi là căn Tinh tấn.

“Sao gọi là căn Niệm? Tỳ-kheo sống quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm chánh trí, điều phục tham ưu thế gian; sống quán ngoại thân, nội ngoại thân; và thọ, tâm, pháp trên pháp cũng nói như vậy. Đó gọi là căn Niệm.

“Sao gọi là căn Định? Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có giác có quán, có hỷ lạc do viễn ly sanh, cho đến, chứng và an trú Tứ thiền. Đó gọi là căn Định.

“Sao gọi là căn Tuệ? Tỳ-kheo biết như thật về Khổ Thánh đế, biết như thật về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tích Thánh đế. Đó gọi là căn Tuệ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹¹. Pāli, S.48.9-10 Vibhaṅga.

KINH 648. LƯỢC THUYẾT¹²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

“Nếu Tỳ-kheo nào khéo quán sát như thật đối với năm Căn này, người ấy đối với ba kết mà đoạn biến tri¹³; đó là thân kiến, giới thủ, nghi. Đó gọi là Tu-đà-hoàn, không còn rơi vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng thẳng đến Chánh giác, còn bảy lần qua lại Trời, Người, cuối cùng sẽ cứu cánh biên tế của khổ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 649. LẬU TẬN¹⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm Căn này, sau khi đã quán sát như thật, dứt sạch các lậu, ly dục giải thoát; đó gọi là A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết, bằng chánh trí mà tâm khéo giải thoát.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹². Pāli, S.48.12 Saṅkhitta.

¹³. Xem cht.6, kinh 644.

¹⁴. Pāli, S.48.20 Āsavānaṃkhayo.

KINH 650. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (1)¹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, chỉ có một vài sai biệt:

“Các Tỳ-kheo, nếu Ta đối với căn Tín này, sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, con đường đưa đến sự diệt tận của căn Tín mà không biết như thật, thì rốt cuộc Ta ở giữa các chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn đã không được cho là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo và cũng không thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Cũng như căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, vì đối với căn Tín này, Ta bằng chánh trí mà quán sát như thật; vì đối với sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, con đường đưa đến sự diệt tận của căn Tín, Ta bằng chánh trí mà quán sát như thật, nên ở giữa chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, Ta đã xuất, đã ly, tâm lìa điên đảo, thành tựu Vô thượng, Chánh đẳng Chánh giác.”

Cũng như căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 651. SA-MÔN BÀ-LA-MÔN (2)¹⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

¹⁵. Pāli, S.48.6-7 Samaṇa-brahmaṇā.

¹⁶. Xem kinh 650 trên.

Như trên đã nói, nhưng có một vài sự sai biệt:

“Các Tỳ-kheo, đối với sự tập khởi của căn Tín này, sự diệt tận của căn Tín, vị ngọt của căn Tín, sự tai hoạn của căn Tín, sự xuất ly của căn Tín, mà Ta không biết như thật, thì Ta không được ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cho là giải thoát, là xuất, là ly, tâm lìa điên đảo, là thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Cũng vậy, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, vì đối với căn Tín, sự tập khởi của căn Tín, sự diệt tận của căn Tín, vị ngọt của căn Tín, sự tai hoạn của căn Tín, sự xuất ly căn Tín, Ta biết như thật, nên ở trong chúng chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn Ta đã giải thoát, đã xuất, đã ly, tâm lìa điên đảo, thành tựu được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 652. HƯỚNG¹⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Nếu Tỳ-kheo nào đối với năm Căn này, hoặc nhay bén hay đầy đủ, thì đạt A-la-hán; hoặc mềm hay yếu kém, thì đạt A-na-hàm; hoặc mềm hay yếu kém hơn thì đạt Tư-đà-hàm; hoặc mềm hay yếu kém hơn nữa thì đạt Tu-đà-hoàn. Người nào đầy đủ, thì thành tựu việc đầy đủ; người nào không đầy đủ, thì thành tựu việc không đầy đủ¹⁸. Đối với

¹⁷. Pāli, S.48.12 Saṅkhitta, 18 Paṭipanna.

¹⁸. Pāli: paripūraṃ paripūrakāri āradhetti, padesaṃ padesakāri āradhetti, người làm cho viên mãn thì hoàn thành sự viên mãn; người chỉ làm một phần thì hoàn tất một phần.

năm Căn này không phải trống không, không quá. Nếu người nào đối với năm Căn này tất cả đều cho là không, thì Ta nói họ thuộc về số phàm phu ngoại đạo.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 653. QUẢNG THUYẾT¹⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sự sai khác:

“Nếu Tỳ-kheo nào, đối với năm Căn này mà có sự tăng thượng minh lợi, mãn túc²⁰ thì sẽ đạt A-la-hán Câu phần giải thoát²¹; hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, thì sẽ đạt Thân chứng²²; nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, thì sẽ đạt Kiến đạo²³; nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, thì sẽ đạt Tín giải thoát²⁴; nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, thì sẽ đạt Nhất chúng²⁵; nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, thì sẽ đạt Tư-đà-hàm; nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, thì sẽ đạt Gia gia²⁶; nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém thì sẽ đạt Thất hữu²⁷; nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, thì sẽ đạt Pháp hành²⁸;

¹⁹. Pāli, S.48.15-16 Vitthāra.

²⁰. Xem kinh 652 trên.

²¹. Câu phần giải thoát 俱分解脫, đối với vị A-la-hán chứng đắc Diệt tận định. Pāli: ubhatobhāgavimutta.

²². Thân chứng 身證; đối với A-na-hàm chứng đắc Diệt tận định. Pāli: kāyasakkhin.

²³. Kiến đạo 見到. Pāli: diṭṭhipatta.

²⁴. Tín giải thoát 信解脫. Pāli: saddhāvimutta.

²⁵. Nhất chúng 一衆. Pāli: ekabījīn.

²⁶. Gia gia 家家. Pāli: kolaṃkola.

²⁷. Thất hữu 七有. Pāli: sattakkhattuparama.

²⁸. Pháp hành 法行, tức Tùy pháp hành. Pāli: dhammānusārin.

nơi đó hoặc nhu nhuyễn hay yếu kém, thì sẽ đạt Tín hành²⁹. Đó gọi là Tỳ-kheo vì nhân duyên căn ba-la-mật, nên biết quả ba-la-mật³⁰, vì nhân duyên quả ba-la-mật, nên biết người ba-la-mật³¹. Người đầy đủ như vậy, thì làm việc đầy đủ; người giảm thiểu, thì làm việc giảm thiểu³². Các căn này không phải rỗng không, không quả. Nếu người nào không có các căn này, thì Ta nói kẻ đó thuộc vào số phàm phu.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 654. TUỆ CĂN (I)³³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Năm Căn này, căn Tuệ nhiếp thọ tất cả. Thí như các thứ cây gỗ của nhà, gác, thì cây đòn nóc là ở trên hết, mọi cây gỗ khác đều nương vào cây đòn nóc mà giữ yên. Như vậy trong năm căn, Tuệ thấu nhiếp tất cả nên Tuệ trên hết.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

²⁹. Tín hành 信行, tức Tùy tín hành. Pāli: saddhānusārin.

³⁰. Căn ba-la-la-mật, quả ba-la-mật 根波羅密, 果波羅密. Pāli: indriyavemattatā phalavemattatā hoti, do sự sai biệt của căn mà có sự sai biệt của quả. Pāli: vemattatā, chủng loại sai biệt; bản Hán đọc là pāramita: ba-la-mật.

³¹. Nhân ba-la-mật 人波羅密. Pāli: puggalavemattatā, sự sai biệt về nhân cách.

³². Xem cht.18 kinh 652 trên.

³³. Pāli, S.48.52 Mallika.

KINH 655. TUỆ CĂN (2)³⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn. Những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Căn Tín, nên biết, đó là bốn Bất hoại tịnh. Căn Tinh tấn, nên biết, đó là bốn Chánh đoạn. Căn Niệm, nên biết, đó là bốn Niệm xứ. Căn Định, nên biết, đó là bốn Thiền. Căn Tuệ, nên biết, đó là bốn Thánh đế.

“Các công đức này Tuệ đứng hàng đầu, vì Tuệ nhiếp trì tất cả.”

Cho đến sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 656. TUỆ CĂN (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

“Thánh đệ tử thành tựu căn Tuệ thì có thể tu tập căn Tín, y viễn ly, y vô dục, y tịch diệt, hướng đến xả. Đó gọi là thành tựu căn Tín. Thành tựu căn Tín tức là căn Tuệ.

“Như căn Tín, cũng vậy căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy.

“Cho nên khi đối với năm căn này, căn Tuệ đứng hàng đầu vì nhiếp trì tất cả. Thí như các thứ cây gỗ của nhà, gác, thì cây đòn nóc là ở trên hết, mọi cây gỗ khác đều nương vào cây đòn nóc mà giữ yên. Như vậy trong năm căn, Tuệ trên hết vì Tuệ thấu nhiếp tất cả.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

³⁴. Pāli, S.48.10 Vibhaṅga; 48.52. Mallika.

KINH 657. TUỆ CĂN (4)

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì gọi là năm? Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

“Thánh đệ tử thành tựu căn Tín, học như vậy: ‘Thánh đệ tử sanh tử từ vô thủy. Bị vô minh che lấp, ái trói buộc, chúng sanh mãi mãi trôi lăn qua lại trong sanh tử, không biết bản thể. Vì có nhân nên có sanh tử. Nếu nhân vĩnh viễn đoạn tận thì sẽ không có sanh tử. Vô minh là khối tối tăm vĩ đại làm chướng ngại, ai nhập Bát-niết-bàn? mà chỉ có khổ diệt, khổ dứt, mát mẻ không còn (?)’ Như căn Tín, cũng vậy căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ cũng nói như vậy. Trong năm Căn này, Tuệ nhiếp trì tất cả nên nó là hàng đầu. Thí như cây đôn nóc của nhà gác, vì nó giữ vững các cây nên nó ở trên hết.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 658. TUỆ CĂN (5)³⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, là Căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

“Thế nào là căn Tín? Tín tâm mà Thánh đệ tử phát khởi nơi Như Lai³⁶, có gốc rễ bền chặt, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng các pháp thế gian không thể nào phá hoại được; đó gọi là căn Tín. Thế nào là căn Tinh tấn? Là bốn Chánh đoạn. Thế nào là căn

³⁵. Pāli, S.48.10 Vibhaṅga.

³⁶. Pāli: saddahati tathāgatassa bodhiṃ, tin tưởng sự giác ngộ của Như Lai.

Niệm? Là bốn Niệm xứ. Thế nào là căn Định? Là bốn Thiền. Thế nào là căn Tuệ? Là bốn Thánh đế. Những công đức này đều lấy Tuệ làm đầu, thí như nhà, gác, cây đòn nóc là ở trên hết.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 659. TUỆ CĂN (6)³⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ.

“Thế nào là căn Tín? Tín tâm thanh tịnh mà Thánh đệ tử phát khởi nơi Như Lai khi phát tâm Bồ-đề³⁸; đó gọi là căn Tín. Thế nào là căn Tinh tấn? Tinh tấn phương tiện được phát khởi đối với Như Lai khi mới phát tâm Bồ-đề³⁹; đó gọi là căn Tinh tấn. Thế nào là căn Niệm? Niệm được phát khởi đối với Như Lai lúc mới phát tâm Bồ-đề; đó gọi là căn Niệm. Thế nào là căn Định? Tam-muội được phát khởi đối với Như Lai khi mới phát tâm Bồ-đề khởi Tam-muội; đó gọi là căn Định. Thế nào là căn Tuệ? Tuệ được phát khởi đối với Như Lai lúc bắt đầu phát tâm Bồ-đề; đó gọi là căn Tuệ. Còn những thí dụ về nhà, gác thì như đã nói ở trên.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

³⁷. Pāli, S.48 50 Saddha.

³⁸. Pāli, S.48.50: tathāgate ekantagato abhippasanno, nhất hướng tín tâm minh tịnh đối với Như Lai.

³⁹. Pāli, nt.: saddhassa...ariyasāvakaṃ evaṃ pāṭikamkhaṃ yaṃ āradhāviriyo viharassati akusalānaṃ dhammānaṃ pahānāya... Thánh đệ tử có tín mong đợi như vậy: an trú với tinh tấn dũng mãnh hướng đến đoạn trừ các pháp bất thiện...

KINH 660. KHỔ ĐOẠN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Căn, những gì là năm? Đó là, căn Tín, căn Tinh tấn, căn Niệm, căn Định, căn Tuệ. Đối với năm Căn này, nếu tu tập, tu tập nhiều, thì tất cả những cái khổ quá khứ, hiện tại, vị lai đều sẽ dứt sạch.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như đoạn khổ, cũng vậy cứu cánh biên tế khổ, đoạn tận khổ, dập tắt khổ, diệt tận khổ, qua dòng khổ, giải thoát mọi trói buộc, tổn hại sắc, đoạn tận tất cả lậu quá khứ, hiện tại, vị lai; đều cũng nói như vậy.

**
*

KINH 661. NHỊ LỰC (1)⁴⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có hai loại sức mạnh. Những gì là hai? Sức mạnh của số⁴¹ và sức mạnh của tu⁴². Thế nào là sức mạnh của số? Thánh đệ tử ở dưới bóng cây, ngồi trong rừng vắng, tư duy như vậy: ‘Đối với ác hành của thân, đời này và đời sau chịu báo ác. Nếu thân ta làm hạnh ác, thì tự ta phải tự chê trách và khiến người khác cũng chê trách ta. Đại Sư

⁴⁰. Ấn Thuận Hội Biên, tụng 4. Đạo phẩm, “11. Tương ứng lực”, gồm sáu mươi kinh, từ số 841-900; gồm mười ba kinh Đại Chánh: 661-703. Tương đương Pāli, Samyutta 50. Balasamyutta. Đại Chánh kinh 661, Hai sức mạnh. Pāli, A.2.2.1 Balāni.

⁴¹. Số lực 數力. Pāli: paṭisaṅkhānabala, sức mạnh của sự giản trách, tức năng lực quán sát và phân tích của tuệ. Xem *Câu-xá* 1. tr.1b. Bản Hán hiểu theo ngữ nguyên saṅkhā, con số.

⁴². Tu lực 修力. Pāli, bhāvanābala.

của ta cũng sẽ chê trách ta, Đại đức phạm hạnh của ta cũng chê trách ta. Ta sẽ bị khiển trách đúng pháp, tiếng ác của ta vang khắp, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đọa ác thú, sanh trong địa ngục. Quả báo đời này và đời sau như vậy. Đoạn trừ ác hành của thân; tu thiện hành của thân. Cũng như thân làm ác, miệng, ý làm ác cũng nói như vậy. Đó gọi là sức mạnh của số. Thế nào là sức mạnh của tu? Tỳ-kheo học sức mạnh của số; Thánh đệ tử đã thành tựu được sức mạnh của số rồi, tùy thuận mà đạt được sức mạnh của tu. Khi sức mạnh của tu đã được rồi, thì sức mạnh của tu sẽ đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 662. NHỊ LỰC (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt:

“Thánh đệ tử đã học sức mạnh của số đã thành tựu, tham, nhuế, si hoặc tiết hoặc giảm, hoặc hết sạch. Thánh đệ tử y trên sức mạnh của số, xác lập trên sức mạnh của số như vậy, tùy thuận mà đạt được sức mạnh của tu lực. Khi sức mạnh của tu đã được rồi, thì sức mạnh của tu sẽ đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 663. NHỊ LỰC (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Cái gì là sức mạnh của tu? Đó là bốn Niệm xứ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

Như bốn Niệm xứ, cũng vậy tu bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần, Bốn đạo⁴³, Bốn pháp cú⁴⁴, Chỉ quán, cũng nói như vậy.⁴⁵

**
*

KINH 664. TAM LỰC (1)⁴⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba thứ lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Niệm, lực Tuệ. Lại có ba lực. Những gì là ba? Đó là lực Tín, lực Định, lực Tuệ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 665. TAM LỰC (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba lực; đó là lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ. Như vậy Tỳ-kheo phải học như vậy: ‘Ta phải thành tựu lực Tín, lực Tinh tấn, lực Tuệ.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁴³. Tứ đạo 四道, tức bốn hay hay thông hành; xem Tập Dị Môn 7, tr.395b. Cf. Pāli, D.iii. tr.228: catasso paṭipādā.

⁴⁴. Tứ cú 四法句, tức bốn pháp tích; xem Tập Dị Môn 7, tr.395b. Cf. Pāli, D.ii. tr.229, cattāri dhammapadāni. Ấn Thuận tách kinh này thành ba kinh.

⁴⁵. Tóm tắt có chín kinh.

⁴⁶. Ba loại sức mạnh.

KINH 666. TAM LỰC (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có ba lực: lực Tín, lực Niệm, lực Tuệ. Lực Tín là thế nào? Thánh đệ tử, đối với Như Lai, đã thâm nhập tịnh tín, căn bản vững chắc, không có chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn cùng những kẻ đồng pháp nào có thể phá hoại được. Đó gọi là lực Tín. Lực Tinh tấn là những gì? Là bốn Chánh đoạn. Lực Tuệ là những gì? Là bốn Thánh đế.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 667. TỨ LỰC (1)⁴⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn lực. Những gì là bốn? Lực Tín, lực Tinh tấn, lực Niệm, lực Tuệ. Lại có bốn lực: lực Tín, lực Niệm, lực Định, lực Tuệ. Lại có bốn lực: lực Giác, lực Tinh tấn, lực Vô tội, lực Nhiếp.”

Ba lực của những kinh này cũng nói như trên, nhưng chỉ có một vài sai biệt:

“Lực Giác là thế nào? Biết như thật, đối với pháp thiện, bất thiện; biết như thật là có tội, không tội; đáng thân cận⁴⁸, không thân cận; pháp thấp kém, pháp thắng diệu; pháp đen, pháp trắng; pháp có phân biệt, pháp không phân biệt; pháp duyên khởi, pháp phi duyên khởi. Đó gọi là lực Giác. Lực Tinh tấn là những gì? Là bốn Chánh đoạn như đã nói đầy đủ ở trước. Lực không tội là thế nào? Là thân, miệng, ý không tạo tội; đó gọi là lực không tội. Lực Nhiếp

⁴⁷. Tham chiếu Pāli, A.4.152 Balāni.

⁴⁸. Tập cận 習近. Pāli: sevitabba.

là những gì? Là bốn nhiếp sự. Đó là Huệ thí, Ái ngữ, Hành lợi, Đồng lợi.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 668. TỨ NHIẾP SỰ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Bố thí tối thắng, đó là pháp thí. Ái ngữ tối thắng, là khiến thiện nam tử thích nghe, nói pháp đúng lúc. Hành lợi⁴⁹ tối thắng là đối với người không có tín khiến có tín, xác lập trên tín; đối với người học giới thì xác lập bằng tịnh giới; đối với người bỏn sẻn thì bằng bố thí; đối với người ác trí tuệ thì bằng chánh trí mà xác lập. Đồng lợi⁵⁰ tối thắng là, A-la-hán thì trao cho quả A-la-hán⁵¹. A-na-hàm thì trao cho A-na-hàm. Tư-đà-hàm thì trao cho Tư-đà-hàm. Tu-đà-hoàn thì trao cho Tu-đà-hoàn. Người Tịnh giới thì trao người khác bằng Tịnh giới.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 669. NHIẾP⁵²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

⁴⁹. Hành lợi 行利, hoặc nói là lợi hành 利行. Pāli: atthacāriyā.

⁵⁰. Đồng lợi 同利, cũng nói là đồng sự. Pāli: samānattatā, đồng ngã, nâng người lên ngang mình. Nhưng Hán dịch theo Skt. Samānārthatā.

⁵¹. Ý nghĩa, người muốn chứng đắc A-la-hán, thì giúp cho được chứng đắc.

⁵². Pāli, A.4.32 Saṅgaha.

“Nếu như có pháp nào để nhiếp thủ đại chúng thì tất cả đều ở trong Bốn nhiếp sự. Hoặc một nhiếp thủ là bố thí, hoặc một nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một nhiếp thủ là đồng lợi. Ở trong thời quá khứ, những pháp nào đã nhiếp thủ đại chúng trong thời quá khứ cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Những pháp nào sẽ nhiếp thủ đại chúng trong thời vị lai cũng không ngoài bốn nhiếp sự. Hoặc một pháp nhiếp thủ là bố thí, hoặc một pháp nhiếp thủ là ái ngữ, hoặc một pháp nhiếp thủ là hành lợi, hoặc một pháp nhiếp thủ là đồng lợi.”

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Bố thí cùng ái ngữ,
Hoặc hành vi hành lợi,
Đồng lợi các hành vi,
Mỗi tùy chỗ thích hợp.
Nhờ đây nhiếp thế gian,
Như xe lăn nhờ gang⁵³.
Đời không Bốn nhiếp sự,
Quên ơn mẹ nuôi con.
Cũng không tôn trọng cha,
Không khiêm tốn phụng sự.
Vì có bốn nhiếp sự,
Và tùy thuận pháp này.
Cho nên có Đại sĩ,
Đức trùm cả thế gian⁵⁴.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁵³. Hán: cang 鈺, ống gang trong bánh xe. Pāli: ete kho saṅgahā loke, rathhassāṇīva yāyato, những nhiếp sự này ở trong đời, như cái chốt trục xe khiến xe lăn.

⁵⁴. Pāli: yasmā ca saṅgaha ete samavekkhanti paṇḍitā, tasmā mahattaṃ papponti pāsamsā ca bhavanti, bậc trí do quán sát các nhiếp sự này mà đạt được sự vĩ đại và có danh thơm.

KINH 670. TỨ LỰC (2)⁵⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Bốn lực. Những gì là bốn? Đó là lực Giác, lực Tinh tấn, lực Vô tội, lực Nhiếp, như trên đã nói. Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu được bốn lực này, thì tránh xa được năm sự sợ hãi. Những gì là năm? Sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ giữa đám đông, sợ chết, sợ đường ác. Đó gọi là năm sự sợ hãi.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 671. TỨ LỰC (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Thánh đệ tử thành tựu Bốn lực này, phải học như vậy: ‘Ta chẳng sợ không sống. Vì lý do gì mà ta phải sợ không sống? Nếu ai mà thân hành hạnh bất tịnh, miệng hành hạnh bất tịnh, ý hành hạnh bất tịnh, làm các việc tà tham, bất tín, biếng nhác, không tinh tấn, mất niệm, không định, ác tuệ, keo lẩn không nhiếp thủ; thì kẻ đó đáng sợ không sống. Ta có bốn lực, đó là Giác lực, Tinh tấn lực, Vô tội lực, Nhiếp lực. Vì đã thành tựu bốn lực này, nên chẳng nên sợ. Như sợ không sống, cũng vậy sợ tiếng xấu, sợ ở giữa đám đông, sợ chết, sợ đường ác cũng nói như trên’...”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁵⁵. Pāli, A.4 153 Paññā.

KINH 672. TỨ LỰC (4)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bốn lực; đó là Giác lực, Tinh tấn lực, Vô tội lực, Nhiếp lực. Giác lực là thế nào? Là chỉ cho tuệ, đại tuệ, thâm tuệ, nan thắng tuệ; đó gọi là giác lực. Tinh tấn lực là thế nào? Là xa lìa đối với pháp bất thiện, số bất thiện⁵⁶; pháp đen, số đen; pháp có tội, số có tội, pháp không nên thân cận, số không nên thân cận. Sau khi tránh xa các pháp này rồi, nếu đối với các pháp thiện, số thiện; pháp trắng, số trắng, pháp vô tội, số vô tội, pháp nên thân cận, số nên thân cận, những pháp như vậy mà tu tập, tăng thượng tinh cần, nỗ lực phương tiện, kham năng, chánh niệm, chánh trí; đó gọi là Tinh tấn lực. Còn vô tội lực, nhiếp lực như kinh trên đã nói.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 673. NGŨ LỰC⁵⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm Lực. Những gì là năm? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 674. NGŨ LỰC ĐƯƠNG THÀNH TỰ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁵⁶. Bất thiện số 不善數, đồng nghĩa bất thiện tư duy.

⁵⁷. Pāli, S.50.1 Gaṅgāpeyyāla; Cf. A.5.13 Saṅkhita

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Các Tỳ-kheo nên học như vậy: “Ta nên nỗ lực tinh tấn, thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 675. ĐƯƠNG TRI NGŨ LỰC⁵⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Tín lực kia, nên biết, đó là Bốn bất hoại tín. Tinh tấn lực, đó là bốn Chánh đoạn. Niệm lực là bốn Niệm xứ. Định lực là bốn Thiền. Tuệ lực là bốn Thánh đế.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 676. ĐƯƠNG HỌC NGŨ LỰC

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Cho nên, các Tỳ-kheo nên học như vậy: Ta nên thành tựu Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁵⁸. Pāli, S.48.8 Datṭhabbam; A.5.14 Vitthata, 5.15 Datṭhabba.

KINH 677. NGŨ HỌC LỰC⁵⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm học lực⁶⁰. Những gì là năm? Tín lực là học lực, Tinh tấn lực là học lực, Tâm lực là học lực, Quý lực là học lực, Tuệ lực là học lực⁶¹.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 678. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC (I)⁶²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Các Tỳ-kheo nên học như vậy: Ta nên thành tựu tín lực là học lực⁶³; nên thành tựu tinh tấn lực là học lực; nên thành tựu tâm lực là học lực; nên thành tựu quý lực là học lực; nên thành tựu tuệ lực là học lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁵⁹. Cf. A.5.1 Saṅkhita.

⁶⁰. Học lực 學力, năng lực của hữu học. Pāli: sekhabala. Xem cht. 63 dưới.

⁶¹. Năm Lực theo bản Pāli: saddhā, tín; hiri, tâm; ottapa, quý; viriya, tinh tấn; paññā, tuệ.

⁶². Pāli, xem kinh 677.

⁶³. Pāli: saddhābalena samannāgatā bhavissāma sekhabalena, chúng tôi sẽ thành tựu sức mạnh của tín, là sức mạnh của hữu học.

KINH 679. QUẢNG THUYẾT HỌC LỰC⁶⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Tín lực là học lực, là thế nào? Tỳ-kheo khéo thâm nhập tín tâm đối với Như Lai, gốc rễ bền chắc mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng đồng pháp khác không thể phá hoại; đó gọi là căn Tín.

“Tinh tấn lực là học lực, là thế nào? Là bốn Chánh đoạn, như đã nói đầy đủ ở trước.

“Tàm lực là học lực, là thế nào? Là hổ thẹn, xấu hổ đối với pháp ác, bất thiện, các số phiền não⁶⁵ đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là Tàm lực là học lực.

“Quý lực là học lực, là thế nào? Là lấy làm thẹn các điều đáng thẹn, tự thẹn về các pháp ác, bất thiện, các số phiền não đã khởi, sẽ phải chịu các quả báo khổ bức bách của sanh, lão bệnh, tử, ưu, bi, khổ, não ở trong đời vị lai. Đó gọi là Quý lực là học lực.

“Tuệ lực là học lực, là thế nào? Là Thánh đệ tử trụ trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sự sanh diệt của thế gian, về sự xuất ly, yếm ly của Thánh hiền, về sự chân chánh diệt tận khổ đã quyết định. Đó gọi là Tuệ lực là học lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 680. ĐƯƠNG THÀNH HỌC LỰC (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁶⁴. Pāli, A.5.2 Vitthāta.

⁶⁵. Phiền não số 煩惱數.

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Cho nên các Tỳ-kheo phải học như vậy: ‘Ta sẽ thành tựu Tín lực là học lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Tuệ lực là học lực’.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 681. BẠCH PHÁP (1)⁶⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp thiện mà thay đổi hoặc thoái thất, hay không trụ lâu, thì Tỳ-kheo khác nên⁶⁷ dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách họ. Những gì là năm? Bảo rằng: ‘Ông không có tín thâm nhập trong các pháp thiện⁶⁸. Nếu y trên tín thì có thể xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Ông không tinh tấn, không tàm, không quý; không tuệ thâm nhập pháp thiện⁶⁹. Nếu y trên tuệ, có thể xa lìa các pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Nếu Tỳ-kheo nào, đối với Chánh pháp mà không đổi thay, không thoái thất, trụ lâu, thì Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến chúc mừng. Những gì là năm? Có chính tín thâm nhập pháp. Nếu y trên tín, thì xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Tinh tấn, có tàm, có quý, có tuệ thâm nhập. Nếu người nào y cứ vào tuệ, thì xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁶⁶. Pāli, A.5.5 Sikhā.

⁶⁷. Đương 當, bản Cao-ly chép là *thẩm* 審.

⁶⁸. Pāli: saddhāpi nāma te nāhosi kusalesu dhammesu, người không có tín đối với các thiện pháp.

⁶⁹. Pāli: paññāpi nāma te nāhosi kusalesu dhammesu, người không có tuệ nơi các thiện pháp.

KINH 682. BẠCH PHÁP (2)⁷⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo nào hoàn giới, thoái thất giới⁷¹, Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến quở trách⁷². Những gì là năm? Hoặc Tỳ-kheo không có tín đối với pháp thiện. Nếu y trên tín, thì tránh xa pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Hoặc không có tinh tấn, tâm, quý và tuệ thâm nhập pháp thiện. Nếu y trên tuệ, thì xa lìa pháp bất thiện, tu các pháp thiện.

“Nếu có Tỳ-kheo suốt đời thanh tịnh thuần nhất, phạm hạnh thanh bạch, thì Tỳ-kheo khác nên dùng năm thứ bạch pháp đến an ủi, khuyến khích, như trên đã nói.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 683. BẤT THIỆN PHÁP

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có Tỳ-kheo nào, hoặc không muốn pháp ác bất thiện sanh khởi, duy chỉ có tín nơi pháp thiện. Nếu tín bị thoái giảm, an trú lâu dài nơi bất tín, các pháp bất thiện lại sanh,... cho đến nếu muốn cho các pháp ác bất thiện không còn sanh, duy chỉ có tinh tấn, tâm, quý, tuệ. Nếu tinh tấn, tâm, quý, tuệ lực bị thoái giảm an trú lâu dài với ác tuệ, thì pháp ác bất thiện sẽ sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào y trên tín, thì sẽ xa lìa được pháp bất thiện, tu các pháp thiện. Người nào y cứ vào tinh tấn, tâm, quý, tuệ, thì lìa được pháp ác bất thiện và tu các pháp thiện.”

⁷⁰. Pāli, A.5.5 Sikkhā.

⁷¹. Pāli: sikkham paccakkhāya hinayāvattati, xả học xứ, hoàn tục.

⁷². Hán: ha trách nhữ 呵責汝.

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 684. THẬP LỰC⁷³

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu Tỳ-kheo, đối với sắc sanh tâm yếm ly, ly dục, diệt tận, không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-ha Tam-miệu-tam Phật-đà. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy. Lại, nếu Tỳ-kheo nào đối với sắc sanh tâm yếm ly, ly dục không sanh khởi, giải thoát; đó gọi là A-la-hán tuệ giải thoát. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát có những gì sai khác?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Thế Tôn là gốc của pháp, là mắt của pháp, là nơi y cứ của pháp, xin vì chúng con mà nói, các Tỳ-kheo sau khi nghe xong sẽ lãnh thọ, phụng hành.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ! Ta sẽ vì các ông mà nói. Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp trước kia chưa nghe, thì có thể tự giác tri, ngay trong đời hiện tại tự thân chứng ngộ, thành Chánh giác; đối với đời vị lai có thể giảng nói Chánh pháp, giác ngộ các Thanh văn; tức là, bốn Niệm xứ, bốn Chánh đạo, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần. Đó gọi là Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đối với pháp chưa chứng đắc thì có thể sẽ chứng đắc; phạm hạnh chưa chế có thể chế; có thể khéo biết đạo, khéo nói đạo, vì chúng sanh mà dẫn đường. Sau đó, Thanh văn thành tựu tùy thuận pháp, tùy thuận đạo, vui thích vâng lời giáo giới, giáo thọ của Đại Sư, nên khéo thâm nhập Chánh pháp. Đó gọi là

⁷³. Cf. M.12 Mahāsīhanāda-sutta; A.10.21. Sīha. Hán: N^o125(46.4).

những sự sai khác giữa Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác và A-la-hán tuệ giải thoát.

“Lại nữa, có năm học lực, mười lực Như Lai.

“Những gì là học lực? Đó là tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực.

“Những gì là mười lực của Như Lai? Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ⁷⁴, đó gọi là lực thứ nhất của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ⁷⁵, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về việc thọ quả tạo nhân báo của nghiệp⁷⁶ quá khứ, vị lai, hiện tại; đó gọi là lực thứ hai của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác biết như thật về nhiễm ác, thanh tịnh, xứ tịnh⁷⁷, của các thiên, giải thoát, tam-muội, chánh thọ, đó gọi là lực thứ ba của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật những sai biệt căn tánh khác nhau của tất cả các loài chúng sanh; đó gọi là lực thứ tư của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

⁷⁴ Xứ phi xứ như thật trí 處非處如實知, tức (thị) xứ phi xứ trí lực. Pāli: *ṭhānañca ṭhānato aṭṭhānañ ca aṭṭhānato yathābhūtaṃ pajānāti*, biết như thật trường hợp nào xảy ra (lý), trường hợp nào không xảy ra (phi lý).

⁷⁵ Tiên Phật tối thắng xứ trí 先佛最勝處智. Pāli: *tathāgato āsabhaṃ ṭhānaṃ paṭijānāti*, Như Lai tự xác nhận địa vị Ngưu vương.

⁷⁶ Nghiệp pháp thọ nhân sự báo 業法受人事報. Pāli: *kammasamādānaṃ ṭhānaso hetuso vipākaṃ*, nhân và duyên báo ứng của sự thọ nghiệp.

⁷⁷ Pāli: (...) -*samāpattinaṃ saṅkilesaṃ vodānaṃ vuṭṭhānaṃ*, (biết) sự tập nhiễm, thanh tịnh và xuất ly của các (...) chánh thọ (hay đẳng trí).

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả mọi ý giải của chúng sanh; đó gọi là lực thứ năm của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả các giới loại khác nhau của thế gian chúng sanh; đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về tất cả chí xứ đạo⁷⁸, đó gọi là lực thứ bảy của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về túc mạng, nhớ những sự khác nhau trong đời sống, từ một đời cho đến trăm, ngàn đời, từ một kiếp cho đến trăm, ngàn kiếp; Ta bấy giờ sanh vào chủng tộc như vậy, dòng họ như vậy, tên như vậy, ăn như vậy, cảm giác khổ lạc như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, mạng sống chấm dứt như vậy; ở chỗ kia Ta chết đi, ở chỗ này sanh ra, chỗ này sanh ra, chỗ kia chết đi, hành như vậy, nhân như vậy, phương như vậy; đó gọi là lực thứ tám của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai bằng thiên nhãn hơn mắt người thường, thấy chúng sanh lúc sanh lúc chết, đẹp, xấu, thua, hơn, hướng về đường ác, hướng về đường thiện, theo nghiệp mà thọ báo, tất cả biết như thật; chúng sanh này do nghiệp ác của thân thành tựu, do nghiệp ác của miệng, ý thành tựu, hủy báng Hiền thánh, sẽ mắc nghiệp tà kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào đường ác, sanh vào trong địa ngục; chúng sanh này, thân làm việc thiện, miệng, ý làm việc thiện, không hủy báng Hiền thánh, sẽ lãnh nghiệp chánh

⁷⁸. Nhất thiết chí đạo xứ 一切至道處, tức biến thú hành trí lực. Pāli: sabbatthagāminim paṭipadam, (biết) con đường dẫn đến tất cả mục đích.

kiến, vì nhân duyên này, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh về đường thiện cõi trời; tất cả biết như thật; đó gọi là lực thứ chín của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Lại nữa, Như Lai đã dứt sạch các lậu, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát, hiện tại tự chứng tri, thân tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh kiếp sau nữa.’ Đó gọi là lực thứ mười của Như Lai. Nếu thành tựu được lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng rống lên tiếng rống sư tử.

“Mười lực này chỉ có Như Lai mới thành tựu. Đó chính là những sự khác biệt giữa Như Lai và Thanh văn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 685. NHỮ MẪU

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Thí như đứa trẻ, cha mẹ sanh ra rồi giao nó cho nhũ mẫu, tùy thời xoa bóp vỗ về, tùy thời tắm gội, tùy thời cho bú mớm, tùy thời trông chừng. Nếu người nhũ mẫu không cẩn thận, đứa trẻ hoặc bốc cỏ, bốc đất, hay các đồ vật dơ cho vào miệng nó. Lúc này nhũ mẫu liền bảo nó nhổ ra, kịp thời loại ra thì tốt. Nếu đứa trẻ không thể tự mình nhổ ra được, nhũ mẫu phải dùng tay trái giữ đầu nó, tay phải tìm cách móc vật nghẹn ra. Tuy lúc đó đứa trẻ bị đau đớn thật, nhưng nhũ mẫu vì muốn làm cho đứa trẻ an lạc lâu dài, nên phải khổ tâm tìm cách móc vật làm nghẹn ra.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu đứa trẻ lớn lên hiểu biết, phân biệt được rồi, thì có còn đem cỏ, đất, hay vật dơ bỏ vào trong miệng nữa không?”

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

“Không vậy, bạch Thế Tôn. Đứa trẻ khi đã lớn khôn, hiểu biết phân biệt được rồi, thì đối với các vật dơ còn không dùng chân chạm vào, huống chi là bỏ vào trong miệng.”

Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Đứa trẻ lúc còn nhỏ, nhũ mẫu tùy thời săn sóc, trông chừng và khi nó lớn lên đầy đủ trí tuệ rồi, thì nhũ mẫu buông xả, không cần theo dõi, vì nó đã trưởng thành, không tự buông lung nữa.

“Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, nếu các Thanh văn mới học, trí tuệ chưa đầy đủ, thì Như Lai sẽ tùy thời đem giáo pháp truyền dạy mà trông nom; còn những Thanh văn nào đã học lâu, trí tuệ sâu xa, kiên cố, thì Như Lai buông xả, không còn tùy thời ân cần truyền dạy, vì đã thành tựu được trí tuệ nên không còn buông lung nữa. Cho nên Thanh văn có năm thứ học lực, còn Như Lai thì đã thành tựu mười trí lực, như trên đã nói đầy đủ.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 686. SƯ TỬ HỔNG (1)⁷⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Như Lai có sáu thứ lực. Nếu thành tựu được sáu lực này thì Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được trí tối thắng xứ như Phật quá khứ⁸⁰, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó là lực ban đầu của Như Lai, biết như thật về xứ, phi xứ.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về sự thọ pháp an lạc của tâm⁸¹

⁷⁹. A.6.64 Sihanāda.

⁸⁰. Xem cht.75 kinh 684.

⁸¹. (...) tâm lạc pháp thọ 心樂法受, không rõ nghĩa. Hoặc, nghiệp pháp thọ (Pāli: kammamādāna) nhưng chép nhầm là lạc pháp thọ. Xem cht.76 kinh 684.

quá khứ, vị lai và hiện tại. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó là lực thứ hai của Như Lai.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về Thiên giải thoát, tam-muội, chánh thọ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ ba của Như Lai.

“Lại nữa, Như Lai biết như thật về những sự việc trong đời trước của thời quá khứ. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ tư của Như Lai.

“Với Thiên nhãn thanh tịnh của Như Lai vượt qua mắt người thường thấy các chúng sanh chết nơi này sanh ra nơi kia. *Như trên đã nói đầy đủ.* Đó gọi là lực thứ năm của Như Lai.

“Lại nữa, lậu kết của Như Lai đã diệt hết, tâm giải thoát vô lậu, tuệ giải thoát. *Như trên đã nói đầy đủ...* Cho đến ở giữa chúng, rống lên tiếng rống sư tử. Đó gọi là lực thứ sáu của Như Lai.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 687. SU TỬ HỒNG (2)⁸²

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai.

“Lại, hoặc có người đến hỏi về trí lực lạc thọ do tự mình⁸³ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lạc thọ do tự mình của Như Lai. Đó gọi là trí lực thứ hai của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực thiên định, giải thoát, tam-

⁸². Pāli, A.6.64 Sihanāda.

⁸³. Tự dĩ lạc thọ 自以樂受: không rõ nghĩa. Ấn Thuận đọc là dĩ nghiệp pháp thọ 已業法受 thay vì tâm nghiệp pháp thọ 心業法受. Xem cht.81 kinh 686 trên.

muội, chánh thọ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói hỏi về trí lực thiên định, giải thoát, tam-muội, chánh thọ của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực đời trước thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về đời trước của Như Lai.

“Hoặc có người lại đến hỏi về trí lực thiên nhãn của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về sở kiến thiên nhãn của Như Lai.

“Hoặc có người đến hỏi về trí lực lậu tận của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực lậu tận của Như Lai.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 688. THẤT LỰC (1)⁸⁴

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực. Những gì là bảy? Là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực. Bảy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tín lực, tinh tấn lực,
Tàm lực và quý lực;
Chánh niệm, định, tuệ lực,
Đó gọi là bảy lực.
Người thành tựu bảy lực,
Là hết các hữu lậu.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁸⁴. A.7.3-4 Bala; 5. Dhana.

KINH 689. ĐƯƠNG THÀNH THẤT LỰC

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực *như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.*

“Cho nên Tỳ-kheo, phải học như vậy: ‘Ta sẽ thành tựu Tín lực. Cũng vậy, Tinh tấn lực, Trì lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực cũng phải học.’”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 690. THẤT LỰC (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực, *như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.*

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ rằng:

*Tín lực, Tinh tấn lực,
Cùng nói Trì, Quý lực;
Niệm lực, Định, Tuệ lực,
Đó gọi là bảy lực.
Người thành tựu bảy lực,
Dứt nhanh các hữu lậu.”*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 691. QUẢNG THUYẾT THẤT LỰC

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có bảy lực. Những gì là bảy? Là Tín lực, Tinh tấn lực, Trì lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

“Tín lực là thế nào? Là phát khởi lòng tin sâu xa, vững chắc đối với Như Lai, mà chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng những kẻ đồng pháp khác không thể nào phá hoại được, đó gọi là Tín lực.

“Tinh tấn lực là những gì? Là chỉ cho bốn Chánh đoạn. *Như trên đã nói đầy đủ.*

“Trì lực là thế nào? Là hổ thẹn về pháp ác bất thiện. *Như trên đã nói.*

“Quý lực là thế nào? Là đối với việc đáng thẹn nên thẹn, thẹn về những pháp ác bất thiện khởi lên. *Như trên đã nói.*

“Niệm lực là những gì? Là chỉ cho bốn Niệm xứ. *Như trên đã nói.*

“Định lực là những gì? Là chỉ cho bốn Thiền. *Như trên đã nói.*

“Tuệ lực là những gì? Là chỉ cho bốn Thánh đế. *Như trên đã nói.*”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 692. BÁT LỰC⁸⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có tám lực. Tám lực là những gì? Lực của vương giả là sự tự tại. Lực của đại thần là đoán sự. Lực của người nữ là sự kết hận. Lực của trẻ con là khóc. Lực của người ngu là sự khen chê. Lực của người hiệt tuệ là sự thẩm sát. Lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục. Lực của người học rộng là sự tính toán.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

⁸⁵. Tham chiếu, Hán: N^o125(38.11); Pāli: A.8.27 Bala.

KINH 693. QUẢNG THUYẾT BÁT LỰC⁸⁶

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là sức mạnh của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của người nữ kết hôn là sức mạnh của người nữ bằng kết hôn biểu hiện. Lực của trẻ khóc, là sức mạnh của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thẩm sát, là sự thẩm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn thể hiện.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 694. XÁ-LỢI-PHÁT VẤN⁸⁷

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn đánh lễ dưới chân, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Phật rằng:

“Tỳ-kheo lậu tận có bao nhiêu lực?”

Phật bảo Xá-lợi-phất:

“Tỳ-kheo lậu tận có tám lực. Những gì là tám? Tỳ-kheo lậu tận tâm thuận hướng về sự viễn ly, chảy rót vào viễn ly, chuyển vần sâu vào sự viễn ly; tâm thuận hướng về sự thoát ly, chảy rót vào thoát ly, chuyển vần sâu vào sự viễn ly thoát ly; thuận hướng về Niết-bàn, chảy rót vào Niết-bàn, chuyển vần sâu vào Niết-bàn. Nếu khi thấy năm dục

⁸⁶. Cf. N^o125(38.11); A.8.27 Bala.

⁸⁷. Pāli, A.8.28 Bala.

thì như thấy hầm lửa; khi thấy rồi, đối với dục niệm, dục thọ, dục trước, tâm dứt khoát không trụ vào, tu bốn Niệm xứ, bốn Chánh đoạn, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo phần.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 695. DI TỖ-KHEO VẤN

“Như kinh Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi, kinh “Tỳ-kheo khác hỏi Phật” cũng vậy.”

**
*

KINH 696. VẤN CHƯ TỖ-KHEO

“Kinh hỏi các Tỳ-kheo, cũng nói như trên.”

**
*

KINH 697. CỬU LỰC⁸⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Chín lực. Những gì là chín? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Tàm lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Số lực, Tu lực.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 698. QUẢNG THUYẾT CỬU LỰC⁸⁹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁸⁸. Cf. A.8.28 Baia.

⁸⁹. Xem kinh 697.

“Có Chín lực. Những gì là chín? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Trì lực, Quý lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực, Số lực, Tu lực.

“Tín lực là thế nào? Như trên đã nói, là khởi lòng tin chân chánh vững chắc sâu xa vào Như Lai.

“Tinh tấn lực là những gì? Như trên đã nói, là chỉ cho bốn Chánh đạo.

“Trì lực là thế nào? Như trên đã nói.

“Quý lực là thế nào? Như trên đã nói.

“Niệm lực là thế nào? Như trên đã nói, là sống quán niệm thân trên thân.

“Định lực là thế nào? Là chỉ cho bốn Thiền.

“Tuệ lực là thế nào? Là chỉ cho bốn Thánh đế.

“Số lực là thế nào? Thánh đệ tử, nếu ở nơi phòng vắng hay dưới bóng cây, phải học như vậy: ‘Người thân miệng làm hạnh ác, thì ngay trong hiện tại và đời sau sẽ nhận lãnh quả báo ác.’ Như đã nói đầy đủ ở trên.

“Tu lực là thế nào? Là tu bốn Niệm xứ. Như trước đã nói.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 699. THẬP LỰC

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có Mười lực. Những gì là mười? Lực của vương giả là tự tại. Lực của đại thần là đoán sự. Lực của công xảo là máy móc. Lực của giặc cướp là đao kiếm. Lực của người nữ là kết hận. Lực của trẻ con là khóc. Lực của người ngu là sự khen chê. Lực của người hiệt tuệ là sự thẩm sát. Lực của người xuất gia là sự nhẫn nhục. Lực của người học rộng là sự tính toán.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 700. QUẢNG THUYẾT THẬP LỰC⁹⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như trên đã nói, nhưng có một vài sai biệt.

“Lực của vua tự tại, là sự biểu hiện oai lực của vua bằng sự tự tại. Lực của đại thần xử kiện, là sức mạnh của đại thần biểu hiện bằng cách xử kiện. Lực của công xảo máy móc, là người chế tạo ra máy móc biểu hiện sức mạnh bằng công xảo của nó. Lực của giặc cướp đao kiếm, là bọn giặc cướp quyết biểu hiện sức mạnh của nó bằng đao kiếm. Lực của người nữ kết hận là sức mạnh của người nữ biểu hiện bằng kết hận. Lực của trẻ khóc, là sức mạnh của đứa trẻ biểu hiện bằng tiếng khóc. Lực của người ngu khen chê, là sự khen chê khi xúc sự theo pháp của của người ngu. Lực của trí tuệ thẩm sát, là sự thẩm sát thường thể hiện của người trí tuệ. Lực của người xuất gia nhẫn nhục, là sự nhẫn nhục mà người xuất gia luôn luôn thể hiện. Lực của người học rộng tính toán, là sự suy tư tính toán mà người học rộng luôn luôn thể hiện.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 701. NHƯ LAI LỰC (I)⁹¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có mười lực của Như Lai. Nếu thành tựu lực này, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đạt được tối thắng xứ như Phật quá khứ, có thể chuyển Phạm luân, ở giữa đại chúng, rống tiếng rống sư tử. Những gì là mười? Là Như Lai biết như thật về xứ, phi xứ, đó gọi

⁹⁰. Xem kinh 692, 693.

⁹¹. Cf. A.10.21 Sīha. Xem kinh 684.

là lực ban đầu,... cho đến hết lậu, đã nói như trên⁹².”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 702. NHƯ LAI LỰC (2)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Như đã nói ở trên, nhưng có một vài sai biệt.

“Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xứ, phi xứ của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, vì người kia mà nói về trí lực, xứ, phi xứ của Như Lai.”

Như đã nói đầy đủ ở trên⁹³.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 703. NHƯ LAI LỰC (3)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu có pháp nào mà được ý giải, thân tác chứng, tất cả đều do trí vô úy của Như Lai phát sanh ra. Nếu Tỳ-kheo nào đến làm đệ tử của Ta, mà không siểm nịnh, không giả ngụy, sanh tâm ngay thẳng, Ta sẽ vì họ nói pháp, giáo giới truyền dạy. Sáng sớm vì họ nói pháp, giáo giới, truyền dạy, thì đến lúc giữa trưa sẽ đạt đến chỗ thắng tiến. Nếu chiều tối vì họ nói pháp, giáo giới truyền dạy thì đến sáng sớm hôm sau sẽ đạt đến chỗ thắng tiến. Khi đã truyền dạy như vậy rồi, thì họ sẽ sanh tâm ngay thẳng; thật thì biết thật, không thật thì biết không thật, trên thì biết là trên, không trên thì biết là không trên.

⁹². Như kinh 684.

⁹³. Như kinh 687.

Những điều nên biết, nên thấy, nên được, nên hiểu biết, thì tất cả đều biết rõ. Trường hợp ấy có xảy ra. Đó gọi là năm lực của hữu học và mười lực của Như Lai.

“Những gì là năm lực của hữu học? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực, Tuệ lực.

“Mười lực của Như Lai. Những gì là mười? Biết như thật xử phi xử⁹⁴. Như đã nói mười lực đầy đủ ở trên. Nếu có người đến hỏi Ta về trí lực xử, phi xử của Như Lai, thì Ta như điều được sở tri, sở kiến, giác ngộ, thành Đẳng chánh giác, vì người kia mà nói về trí lực xử, phi xử của Như Lai... cho đến trí lực lậu tận, cũng nói như vậy.

“Này các Tỳ-kheo, trí lực xử phi xử đó Ta nói là định chứ chẳng phải không định,... cho đến trí lực lậu tận, ta nói là định, chẳng phải không định. Định là chánh đạo, Phi định là tà đạo.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 704. BÁT CHÁNH TƯ DUY⁹⁵

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Nếu không chánh tư duy⁹⁶, tham dục triển cái chưa khởi sẽ khởi; tham dục triển cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Sân nhuế, thù miên, trạo hối và nghi triển cái chưa khởi thì sẽ khởi; sân nhuế, thù miên, trạo hối và nghi cái đã khởi sẽ tăng trưởng rộng lớn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ không khởi; niệm giác chi đã khởi sẽ thoái thất. Trạch pháp, tinh tấn, khinh an⁹⁷, hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ không

⁹⁴. Trong nguyên bản: *như thật tri phi xử*: có sự chép nhầm.

⁹⁵. Ấn Thuận Hội Biên, tụng 4, “12. Tương ứng Giác chi,” gồm sáu mươi kinh, từ số 901-967 (Đại Chánh, 704-747). Quốc Dịch, “4. Tương ứng Bồ-đề phần”. Phần lớn tương đương Pāli, S.46 Bojjhaṅga-saṃyutta. –Đại Chánh kinh 704, Pāli, S.46.24 Ayonisa.

⁹⁶. Bát chánh tư duy 不正思惟. Pāli: ayoniso manasikaroto, không tác ý như lý.

⁹⁷. Nguyên Hán: ỷ 猗 .

khởi; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi đã khởi sẽ thoái thất.

“Nếu Tỳ-kheo chánh tư duy, tham dục cái chưa khởi sẽ không khởi; tham dục cái đã khởi sẽ khiến diệt. Sân nhuế, thù miên, trạo hối và nghi cái chưa khởi sẽ không khởi; sân nhuế, thù miên, trạo hối và nghi cái đã khởi sẽ đoạn. Niệm giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi rồi thì sẽ tái sanh khiến thêm rộng; trạch pháp, tinh tấn, khinh an, hỷ, định, xả giác chi chưa khởi sẽ khởi; đã khởi sẽ tái sanh khiến thêm rộng.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 705. BÁT THOÁI⁹⁸

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm pháp bất thoái. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối và nghi cái. Đó gọi là pháp thoái. Nếu tu tập bảy Giác chi, tu tập nhiều, sẽ khiến tăng rộng. Đó gọi là pháp bất thoái. Những gì là bảy? Đó Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an⁹⁹ giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Đó gọi là pháp bất thoái.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 706. CÁI¹⁰⁰

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

⁹⁸. Pāli, S.46.37 Vuddhi.

⁹⁹. Xem cht.97 trên.

¹⁰⁰. Pāli, S.46.40 Nivaraṇa.

“Có năm pháp, có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, có thể làm cho sút giảm trí tuệ, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân nhuế, thù miên, trạo hối và nghi. Như vậy, năm pháp này có thể làm cho đen tối, có thể làm cho không mắt, có thể làm cho không trí, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

“Nếu có bảy Giác chi, thì có thể làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi, làm ánh sáng lớn, có thể làm con mắt, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.”

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

KINH 707. CHƯỚNG CÁI¹⁰¹

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

“Có năm chướng, năm cái¹⁰², phiền não nơi tâm¹⁰³, có thể làm sút giảm trí tuệ và làm phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải chánh giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn. Những gì là năm? Đó là tham dục cái, sân cái, thù miên cái, trạo hối cái, nghi cái. Năm cái này là che kín, là bao phủ, phiền não ở tâm, khiến cho trí tuệ bị suy giảm, là phần chướng ngại, chẳng phải minh, chẳng phải đẳng giác, chẳng chuyển hướng Niết-bàn.

¹⁰¹. Pāli, S.46.38 Āvaraṇa-nivaraṇa.

¹⁰². Ngũ chướng ngũ cái 五障五蓋. Pāli: pañca āvaraṇā nivaranaṇā, năm chướng cái, chướng ngại và ngăn che.

¹⁰³. Phiền não ư tâm 煩惱於心. Pāli: cetaso upakkilesā, là những tùy phiền não của tâm: là những thứ làm ô uế tâm.

“Nếu là bảy Giác chi, thì chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.

Những gì là bảy? Đó là Niệm giác chi... *Như đã nói ở trên...* cho đến Xả giác chi. Như bảy Giác chi này chẳng che kín, chẳng bao phủ, chẳng phiền não nơi tâm, tăng trưởng trí tuệ, là minh, là chánh giác, chuyển hướng Niết-bàn.”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

*Tham dục, sân nhuế cái,
Thùy miên, trạo hối, nghi;
Như năm thứ cái này,
Tăng trưởng các phiền não.
Năm cái che thế gian,
Đắm sâu khó độ đượ;
Ngăn che đối chúng sanh,
Khiến không thấy chánh đạo.
Nếu đắc Thất giác chi,
Thì có thể chiếu sáng;
Chỉ lời chân thật này,
Đấng Chánh Giác đã nói.
Niệm giác chi là đầu,
Trạch pháp, chánh tư duy;
Tinh tấn, ý¹⁰⁴, hỷ giác,
Tam-muội, xả giác chi.
Như bảy Giác chi này,
Chánh đạo của Mâu-ni;
Tùy thuận Đấng Đại Tiên,
Thoát sợ hãi sanh tử.*

Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

**
*

¹⁰⁴. Tức khinh an.